

Số: 50/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận
xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án Quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 832/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Kết luận số 382-KL/TU ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 03 tháng 7 năm 2026;

Xét Tờ trình số 208/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án công nhận xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III; Báo cáo thẩm tra số 413/BC-BPC ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Phụng Công là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII, Kỳ họp thứ Ba nhất trí thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng
Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 14/07/2026 17:52:37

Trần Quốc Văn

ĐỀ ÁN
Công nhận xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

PHẦN I
MỞ ĐẦU

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN.

Xã Phụng Công nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp trực tiếp với Thủ đô Hà Nội. Nằm trên hành lang kinh tế trọng điểm và là cửa ngõ giao thương năng động, Phụng Công sở hữu những lợi thế đặc biệt về vị trí chiến lược, hạ tầng giao thông đối ngoại và tốc độ thu hút đầu tư.

Việc lập Đề án đề nghị đánh giá, công nhận xã Phụng Công đạt các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III là một tất yếu khách quan, có vai trò quyết định đối với tương lai phát triển của địa phương, xuất phát từ các lý do cấp thiết sau:

1. Hiện thực hóa Quy hoạch chung đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Tầm vóc và định hướng phát triển của Phụng Công đã được định hình rõ nét tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040. Theo đó, toàn bộ địa giới hành chính huyện Văn Giang (cũ) được định hướng phát triển thành đô thị loại III, trong đó xã Phụng Công được quy hoạch là phân khu cốt lõi, trung tâm kinh tế - xã hội phía Tây Bắc.

Địa phương được ấn định phát triển theo mô hình: Đô thị - dịch vụ - thương mại – du lịch và phát triển nhà ở hiện đại, đồng bộ, sinh thái, thông minh. Do đó, việc lập đề án công nhận đạt tiêu chí đô thị loại III là bước đi pháp lý bắt buộc để cụ thể hóa kịch bản chiến lược của Chính phủ, đưa Phụng Công chính thức gia nhập mạng lưới đô thị lõi.

2. Sự bứt phá về trình độ phát triển Kinh tế - Xã hội: Thực tiễn phát triển kinh tế tại Phụng Công trong những năm qua đã vượt xa quy mô và tính chất của một đơn vị hành chính cấp xã thuần nông, chạm cấu trúc của một đô thị giàu mạnh:

Thu nhập đầu người ở top đầu: Năm 2025, thu nhập bình quân đầu người toàn xã đạt 98,2 triệu đồng/người/năm, cao vượt trội và bằng 1,25 lần so với mức bình quân chung toàn tỉnh Hưng Yên.

Xóa nghèo bền vững: Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều được đưa về mức 0% (theo Quyết định số 2226/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hưng Yên).

Cơ cấu kinh tế dịch chuyển mạnh: Địa phương hình thành mô hình nông nghiệp đô thị công nghệ cao (thủ phủ hoa, cây cảnh chất lượng cao) kết hợp với chuỗi cung ứng dịch vụ, thương mại nén, giúp tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt mức áp đảo.

3. Hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã đồng bộ theo tiêu chuẩn đô thị hiện đại. Phụng Công đang sở hữu diện mạo kiến trúc cảnh quan và bộ khung hạ tầng kỹ thuật đạt mức đồng bộ cao, là một trong những khu vực đáng sống nhất vùng ven Thủ đô:

Đầu mối kết nối liên vùng: Địa bàn xã hội tụ các trục giao thông quốc gia và liên tỉnh huyết mạch: cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường Vành đai 3,5, đường Di sản, ĐT.379, ĐT.379B, ĐT.382B.

Tỷ lệ lấp đầy quy hoạch lý tưởng: Với sự vận hành thành công của Đại đô thị sinh thái kiểu mẫu Ecopark và các tổ hợp nhà ở cao cấp (Hải Long Trang, Vạn Tuế - Sago Palm Garden...).

Tiện ích đô thị cao cấp: Địa phương là nơi đặt cơ sở của các định chế giáo dục quốc tế tầm cỡ như Đại học Anh Quốc Việt Nam (BUV), Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam. Hệ thống nhà ở của người dân đạt tỷ lệ 100% kiên cố, mảng xanh đô thị công cộng được quy hoạch bài bản với tỷ lệ không gian xanh chiếm trên 35% diện tích tự nhiên.

4. Giải quyết mâu thuẫn giữa "vỏ hành chính nông thôn" và "ruột đô thị nén". Với quy mô dân số đạt 45.327 người, mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị của Phụng Công đã lên tới 5.774,43 người/km². Sự tập trung dân cư mật độ cao, làn sóng chuyển dịch lao động cơ học và các hoạt động thương mại - dịch vụ phức hợp diễn ra liên tục đang đặt ra những thách thức rất lớn mà bộ máy quản lý hành chính cấp xã (chính quyền nông thôn) không còn đủ thẩm quyền và công cụ để vận hành, cụ thể:

Công tác quản lý trật tự xây dựng, quy chế kiến trúc cảnh quan phân khu (D1, E2, E4).

Vận hành hệ thống kỹ thuật phức tạp: xử lý rác thải, nước thải đô thị, chiếu sáng, hành lang an toàn giao thông.

Đảm bảo an ninh trật tự, quản lý lưu trú cho lượng lớn chuyên gia nước ngoài và lao động dịch vụ.

Việc đánh giá và công nhận xã Phụng Công đạt các tiêu chí đô thị loại III không chỉ là sự ghi nhận khách quan những thành tựu phát triển hạ tầng, kinh tế của địa phương, mà quan trọng hơn, đây là cơ sở pháp lý nền tảng để thành lập đơn vị hành chính Phường. Bước đi này sẽ mở ra cơ hội đổi mới mô hình quản lý từ "chính quyền nông thôn" sang "chính quyền đô thị", tạo sức hút mạnh mẽ để tiếp tục khơi thông các nguồn vốn đầu tư, nâng cao hơn nữa chất lượng sống cho nhân dân.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

2.1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Thông báo số 571-TB/TU ngày 12/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả rà soát sơ bộ tiêu chuẩn các xã thành lập phường thuộc tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Phụng Công lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2.2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung

một số điều theo Luật số 144/2025/QH15.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính.

- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025.

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính.

- Nghị định 185/2026/NĐ-CP ngày 26/05/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030.

- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án Quy hoạch chung đô thị Văn Giang.

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/05/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 17/03/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên đến năm 2040.

- Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 18/03/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng

Yên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu E2, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 19/09/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu E4, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu D1, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (tỷ lệ 1/2000).

- Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên, thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/03/2026 của Bộ Nội vụ về phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2895/SXD-QHKT&PTDT của Sở Xây dựng về lập đề án phân loại đô thị đối với hai xã Nghĩa Trụ, Phụng Công.

- Thông báo số 155/TB-UBND ngày 05/06/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về Kết luận của đồng chí Nguyễn Mạnh Quyền, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại buổi làm việc nghe Sở Nội vụ báo cáo một số nội dung, ngày 03/6/2026

- Thông báo số 168/TB-UBND ngày 16/06/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Hùng Nam, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tại cuộc họp về việc thực hiện kế hoạch thành lập các Phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

III. PHẠM VI LẬP ĐỀ ÁN

Đề án công nhận xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số và địa giới hành chính của xã Phụng Công hiện nay. Với diện tích tự nhiên: 14,61 km², dân số: 45.327 người. có ranh giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Đông và Đông Nam giáp xã Như Quỳnh và xã Nghĩa Trụ, tỉnh Hưng Yên.

- Phía Nam giáp xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp xã Bát Tràng và xã Gia Lâm thuộc, thành phố Hà Nội.

PHẦN II NỘI DUNG ĐỀ ÁN *****

I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Xã Phụng Công nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên, thuộc trung tâm Châu thổ sông Hồng, sở hữu vị trí tiếp giáp chiến lược với Thủ đô Hà Nội và các khu vực phát triển kinh tế năng động của vùng. Đây là vùng đất có lịch sử hình thành lâu đời, gắn liền với quá trình khai phá vùng bãi ven sông Hồng và phát triển nền văn minh lúa nước Bắc Bộ. Với điều kiện địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ cùng hệ thống sông ngòi thuận lợi, khu vực này đã sớm hình thành các làng cổ truyền thống, phát triển sản xuất nông nghiệp và giao thương ven sông sầm uất.

Đặc biệt, ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên. Theo đó, xã Phụng Công được hình thành trên cơ sở hợp nhất nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 đơn vị hành chính cũ gồm: xã Xuân Quan, xã Cửu Cao và xã Phụng Công. Sau sáp nhập, xã Phụng Công sở hữu quy mô không gian lớn với diện tích tự nhiên là 14,61 km² và quy mô dân số đạt 45.327 người, tạo bước ngoặt mang tính lịch sử, mở ra dư địa và tầm vóc mới cho tiến trình phát triển đô thị.

Tiến trình phát triển không gian kiến trúc cảnh quan và hình thái đô thị của xã Phụng Công trải qua các mốc biên niên sử cốt lõi sau:

➤ Cội nguồn lịch sử và địa danh thiêng liêng

Năm 40 sau CN: Theo các tư liệu lịch sử, Phụng Công là một trong bốn địa điểm thờ Hai Bà Trưng gắn với sự tích thời khởi nghĩa chống quân Đông Hán năm 40 sau Công nguyên. Tương truyền, nhân dân vùng đất này đã tích cực hỗ trợ nghĩa quân, từ đó được Hai Bà Trưng đặt tên là “Phụng Công”, mang ý nghĩa phụng sự việc lớn vì dân, vì nước. Trải qua gần hai nghìn năm lịch sử, tên gọi này vẫn được lưu giữ và trở thành giá trị văn hóa, niềm tự hào đặc sắc của địa phương.

➤ Sự định hình của các làng nghề sinh thái truyền thống

Thế kỷ XX: Nằm bên vùng bãi phù sa sông Hồng, từ nền tảng sản xuất nông nghiệp truyền thống, người dân Phụng Công và Xuân Quan với tính cách cần cù, sáng tạo đã từng bước chuyển đổi sang mô hình trồng hoa, cây cảnh có giá trị kinh tế cao. Hệ thống làng cổ dần hình thành cấu trúc "làng sinh thái", không chỉ tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập cho cư dân mà còn góp phần định hình cảnh quan xanh đặc trưng, là tiền đề cho mô hình nông nghiệp đô thị sau này.

➤ Bước ngoặt quy hoạch và khởi động các siêu dự án

2004 – 2010: Năm 2004, dự án Khu đô thị thương mại và du lịch Văn Giang (Ecopark) với quy mô gần 500 ha chính thức được phê duyệt, trong đó địa giới

Phụng Công nằm tại vùng lõi phát triển. Giai đoạn này đánh dấu bước chuyển dịch lịch sử về cơ cấu sử dụng đất từ nông nghiệp thuần túy sang đất hạ tầng đô thị phức hợp, đặt nền móng đầu tiên cho một cấu trúc đô thị nén sinh thái hiện đại ven đô.

➤ **Bùng nổ hạ tầng và hiện thực hóa quy hoạch phân khu**

2011 – 2024: Tuyến đường liên tỉnh ĐT.379 khánh thành cùng các trục ĐT.378, ĐT.379B, ĐT.382B được nâng cấp đồng bộ đã kết nối Phụng Công trực tiếp vào mạng lưới giao thông Thủ đô và tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Không gian đô thị phát triển vượt bậc với sự xuất hiện của các tổ hợp nhà ở cao cấp như Khu biệt thự nhà ở cao cấp Hải Long Trang (Trust City), Khu nhà ở phố mới Văn Giang (Vaquarius). Sự xuất hiện của các trường đại học quốc tế (BUV, Y khoa Tokyo) nâng tầm địa phương thành trung tâm tri thức của vùng. Ngày 14/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 86/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040, phủ kín quy hoạch phân khu (D1, E2, E4) lên toàn xã.

➤ **Hợp nhất lịch sử và hoàn thiện tiêu chuẩn Phường nội đô**

2025 - Đến nay: Thực hiện Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xã Phụng Công mới được thiết lập trên cơ sở hợp nhất 3 xã Phụng Công, Xuân Quan và Cửu Cao. Sự sáp nhập này giúp tích hợp toàn bộ nguồn lực đất đai, hạ tầng và con người, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa thực chất. Tỷ lệ đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch đạt tới 92,17%, mật độ dân số khu vực xây dựng đạt 4.701,4 người/km², kinh tế bứt phá với thu nhập bình quân đạt 98,2 triệu đồng/người/năm, đưa Phụng Công hoàn thành xuất sắc các tiêu chuẩn để công nhận đạt tiêu chí đô thị loại III và sẵn sàng nâng cấp lên Phường.

➤ **Các đặc trưng cốt lõi của quá trình phát triển đô thị tại Phụng Công**

Nhìn lại tiến trình lịch sử, hình thái đô thị của xã Phụng Công hiện nay được định hình bởi ba đặc trưng bền vững:

- Sự tích hợp hoàn hảo giữa hiện đại và truyền thống: Đô thị hóa tại Phụng Công không triệt tiêu kinh tế bản địa. Mạng lưới hạ tầng cao cấp của các đại đô thị (Ecopark, Trust City, Vaquarius) đan xen hài hòa với các vùng lõi làng nghề hoa, cây cảnh Xuân Quan - Phụng Công, tạo nên một cấu trúc cảnh quan sinh thái nhân tạo kết hợp bán tự nhiên đạt tỷ lệ phủ xanh trên 35% diện tích tự nhiên.

- Đầu mối kết nối và lan tỏa động lực: Với các trục hạ tầng quốc gia và liên tỉnh chạy qua (Vành đai 3,5, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, ĐT.379...), Phụng Công đóng vai trò là cửa ngõ đón nhận và lan tỏa các dòng vốn đầu tư, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao từ Hà Nội về tỉnh Hưng Yên.

- Sự chuyển dịch mô hình quản lý: Việc sáp nhập quy mô lớn theo Nghị quyết 1666/NQ-UBTVQH15 tạo ra một chỉnh thể đô thị đồng bộ, giải quyết triệt để tình trạng manh mún trong quản lý hạ tầng trước đây, thiết lập nền tảng vững chắc để chuyển đổi từ bộ máy chính quyền nông thôn sang mô hình quản lý hành chính đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu năng cao.

II. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP VỀ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THEO QUY HOẠCH TỈNH VÀ CÁC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ ĐƯỢC DUYỆT

Công tác triển khai đầu tư và phát triển không gian đô thị tại xã Phụng Công thời gian qua đã bám sát tinh thần điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/02/2023).

Đặc biệt, sau khi thực hiện sáp nhập nguyên trạng địa giới hành chính 03 xã (Xuân Quan, Cửu Cao, Phụng Công) theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025, công tác quản lý xây dựng và triển khai dự án đã được tích hợp toàn diện, tạo ra một chỉnh thể đô thị đồng bộ, tối ưu hóa các nguồn lực hạ tầng.

1. Kết quả đạt được trong công tác phát triển đô thị: Qua quá trình đối chiếu thực tế triển khai với các chỉ tiêu quy hoạch phân khu (D1, E2, E4), kết quả đầu tư xây dựng của địa phương đạt được nhiều bứt phá:

a) Về công tác quy hoạch và quản lý kiến trúc độc lập

Hệ thống công cụ quản lý nhà nước về đô thị đã phủ kín 100% địa bàn. Các Quy định quản lý quy hoạch theo đồ án phân khu D1, E2, E4 đã được chính quyền xã vận hành nghiêm túc ổn định trên 01 năm. Công tác cấp phép xây dựng, quản lý cốt nền, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng được thực hiện chặt chẽ, chấm dứt tình trạng xây dựng tự phát, giữ vững cấu trúc hình thái đô thị xanh - thông minh đã phê duyệt.

b) Về phát triển hạ tầng kỹ thuật khung và liên kết vùng

Mạng lưới giao thông đối ngoại phát triển vượt bậc, biến Phụng Công thành đầu mối kết nối quan trọng của vùng Thủ đô. Các trục đường huyết mạch gồm: cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, hành lang Vành đai 3,5, đường Di sản tỉnh Hưng Yên cùng các tuyến liên tỉnh ĐT.378, ĐT.379, ĐT.379B, ĐT.382B đã được đầu tư đồng bộ. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm hóa, chiếu sáng đô thị, thu gom nước thải độc lập giữa khu đô thị mới và khu dân cư hiện hữu được khorpor nối an toàn.

c) Về thu hút dự án động lực và hạ tầng xã hội cấp vùng

Địa phương đã chuyển hóa thành công nguồn lực đất đai thành các tổ hợp đô thị và dịch vụ đẳng cấp, tạo sức hút cư dân cơ học chất lượng cao:

Về không gian ở: Đại đô thị sinh thái Ecopark (gần 500 ha), Khu biệt thự cao cấp Hải Long Trang (Trust City), Khu nhà ở phố mới Văn Giang (Vaquarius) định hình diện mạo đô thị nén sinh thái văn minh.

Về hạ tầng xã hội: Trở thành trung tâm tri thức hàng đầu khu vực với sự vận hành của Đại học Anh Quốc Việt Nam (BUV), Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam cùng chuỗi trường liên cấp chuẩn quốc tế.

2. Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả xuất sắc, tốc độ đô thị hóa quá nhanh cùng bước ngoặt sáp nhập địa giới theo Nghị quyết 1666/NQ-UBTVQH15 cũng đặt ra một số thách thức kỹ thuật cục bộ:

Tính đồng bộ hạ tầng giữa các phân khu: Có sự chênh lệch nhất định về mật độ và tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật (via hè, thoát nước mưa, điện chiếu sáng) giữa lõi các khu đô thị mới được đầu tư đồng bộ (Ecopark, Vaquarius) và khu vực lõi làng cổ truyền thống, làng nghề hoa cây cảnh (Xuân Quan, Phụng Công).

Áp lực lên hệ thống công cộng cũ: Việc quy mô dân số bùng nổ lên 45.327 người tạo áp lực cục bộ lên hệ thống hạ tầng xã hội cũ của các xã trước sáp nhập như: nhà văn hóa thôn, sân thể thao cộng đồng và trạm y tế cơ sở chưa kịp nâng cấp công năng theo chuẩn Phường nội đô.

Xung đột giao thông nội khu: Vào các dịp cao điểm du lịch sinh thái và giao thương hoa, cây cảnh dịp lễ Tết, các trục liên thôn kết nối ra ĐT.379B và ĐT.378 xảy ra hiện tượng ùn ứ cục bộ do lưu lượng phương tiện vận tải trọng lớn gia tăng mạnh.

III. ĐÁNH GIÁ PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ LOẠI III QUY ĐỊNH TẠI BẢNG 2A, PHỤ LỤC II CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 111/2025/UBTVQH15

3.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

3.1.1. Tiêu chuẩn vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về vai trò, vị trí của đô thị nhằm đánh giá tầm ảnh hưởng, tính chất chiến lược và chức năng đầu mối của đơn vị hành chính trong hệ thống quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ tiêu này xem xét mức độ tích hợp của địa phương vào mạng lưới đô thị lớn, năng lực lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội và vai trò kết nối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng.

b. Vị thế chiến lược và định hướng phát triển của xã Phụng Công

- Vị trí địa lý và vai trò chiến lược của xã Phụng Công đã được định vị rõ nét tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc

phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040. Theo đồ án quy hoạch chiến lược này, xã Phụng Công sở hữu những vị thế cốt lõi mang tầm vóc liên vùng:

- Hạt nhân kinh tế phía Tây Bắc: Phụng Công được xác định là trung tâm kinh tế - xã hội, cửa ngõ động lực phát triển phía Tây Bắc của tỉnh Hưng Yên. Địa phương đóng vai trò vùng đệm, kết nối trực tiếp thủ đô Hà Nội với hệ thống các đô thị vệ tinh vùng lõi của tỉnh.

- Mô hình đô thị tích hợp đa chức năng: Địa phương được định hướng phát triển không gian theo mô hình tiên tiến: Đô thị - dịch vụ - thương mại – du lịch & phát triển nhà ở. Đây là khu vực trọng điểm được lựa chọn để xây dựng các tổ hợp không gian sống hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, sinh thái, thông minh và thân thiện với môi trường (với điểm nhấn là không gian KĐT Ecopark).

- Đầu mối liên kết liên vùng: Nằm trên hành lang kinh tế trọng điểm, Phụng Công là đầu mối giao thông đường bộ, giao lưu thương mại và dịch vụ kỹ thuật quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

- Sự hội tụ của các tuyến giao thông đối ngoại lớn và các thiết chế hạ tầng xã hội cấp vùng (như hệ thống các trường đại học quốc tế, trung tâm thương mại lớn) trên địa bàn xã là minh chứng thực tế cho việc hiện thực hóa định hướng chiến lược này của Chính phủ.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Khung chỉ tiêu của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu đô thị phải được xác định rõ chức năng, tính chất và vị thế đầu mối liên vùng trong các đồ án quy hoạch cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh được duyệt (Khung điểm tối đa là 7,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với việc được Thủ tướng Chính phủ trực tiếp phê duyệt quy hoạch chung định vị là hạt nhân phát triển tổng hợp và là đầu mối cấp vùng, xã Phụng Công sở hữu đầy đủ cơ sở pháp lý và thực tiễn để khẳng định vai trò vị thế đô thị vượt trội, hoàn toàn tương xứng với định hướng nâng cấp lên đô thị loại III.

- Kết luận: Căn cứ vào tầm vóc chiến lược tại Quyết định số 86/QĐ-TTg và mức độ hoàn thiện, tích hợp hạ tầng thực tế của địa phương vào mạng lưới đô thị vùng Thủ đô, tiêu chuẩn Vai trò, vị trí của xã Phụng Công được xem xét và đánh giá đạt điểm số rất cao: **5,5 / 7,0 điểm**.

3.1.2. Tiêu chuẩn vai trò, vị trí đô thị trung tâm

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về vai trò, vị trí đô thị trung tâm nhằm đánh giá thực trạng đầu tư hạ tầng, sự hiện hữu của các cơ quan hành chính đầu mối và năng lực kết nối giao thương của địa phương với tư cách là một hạt nhân kinh tế, xã hội cấp tỉnh hoặc cấp xã.

- Chỉ tiêu này xem xét toàn diện trên các khía cạnh: hệ thống trụ sở hành chính đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật khung cốt lõi, mức độ tập trung của các khu đô thị động lực và sự xuất hiện của các thiết chế y tế, giáo dục, thương mại dịch vụ mang tầm ảnh hưởng liên vùng.

b. Thực trạng hạ tầng kết nối và vai trò trung tâm của xã Phụng Công

Xã Phụng Công sở hữu những điều kiện mang tính bứt phá để khẳng định vai trò là một đô thị trung tâm, một đầu mối kết nối phát triển năng động bậc nhất khu vực:

- Vị trí chiến lược và mạng lưới hạ tầng giao thông huyết mạch: Nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên, tiếp giáp trực tiếp với thủ đô Hà Nội, Phụng Công là cửa ngõ giao thương lý tưởng. Địa bàn xã hội tụ hàng loạt các tuyến giao thông đối ngoại và trục hành lang kinh tế trọng điểm cấp quốc gia và cấp tỉnh đi qua.

- Hạ tầng kết nối quốc gia và vùng: Tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, dự án đường Vành đai 3,5 của thủ đô Hà Nội.

- Hạ tầng trục xương sống cấp tỉnh: Tuyến đường Di sản của tỉnh Hưng Yên, kết hợp với mạng lưới đường liên tỉnh đồng bộ bao gồm ĐT.378, ĐT.379, ĐT.379B và ĐT.382B. Mạng lưới giao thông toàn diện này biến địa phương thành một đầu mối logistics, trung chuyển và giao lưu kinh tế quan trọng nối liền vùng lõi Thủ đô với các tỉnh thuộc tam giác kinh tế phía Bắc.

- Sự hình thành các tổ hợp đô thị động lực: Địa phương là nơi tập trung các dự án đại đô thị sinh thái và khu nhà ở cao cấp quy mô lớn, tạo diện mạo kiến trúc hiện đại và thúc đẩy ngành dịch vụ - thương mại phát triển vượt trội: Khu đô thị sinh thái kiểu mẫu Ecopark; Khu biệt thự cao cấp Hải Long Trang; Khu biệt thự và nhà phố vườn Vạn Tuế (Sago Palm Garden); Khu nhà ở phố mới Văn Giang. Hệ thống dự án này không chỉ giải quyết nhu cầu nhà ở tiêu chuẩn cao mà còn tạo ra lực hút mạnh mẽ đối với dòng vốn đầu tư và làn sóng dịch chuyển cư dân chất lượng cao về địa phương.

- Trung tâm giáo dục và phát triển nguồn nhân lực quốc tế: Vượt ra khỏi tầm vóc của một đơn vị hành chính cấp xã, Phụng Công hiện là nơi đặt cơ sở đào tạo của các định chế giáo dục đại học quốc tế hàng đầu: Trường Đại học Anh Quốc Việt Nam (BUV) và Trường Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam, kết hợp cùng hệ thống trường liên cấp chuẩn quốc tế nội khu. Đây chính là hạt nhân cung ứng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho toàn tỉnh Hưng Yên và vùng Thủ đô.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III, tiêu chuẩn này yêu cầu đơn vị hành chính phải thể hiện rõ công năng của một trung tâm chuyên ngành hoặc trung tâm tổng hợp cấp xã, cấp tỉnh về một hoặc nhiều lĩnh

vực; có hệ thống hạ tầng công cộng và đầu mối giao thông vận hành ổn định (Khung điểm đánh giá tối đa là 8,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với hệ thống trụ sở hành chính khang trang, hạ tầng kỹ thuật khung hiện đại, cùng vị thế là trung tâm đô thị sinh thái - giáo dục, xã Phụng Công hoàn toàn đáp ứng các tiêu chí cốt lõi của một đô thị trung tâm.

- Kết luận: Xét theo các tiêu chuẩn kỹ thuật quy hoạch, xã Phụng Công đã hình thành rõ nét chức năng của một đô thị trung tâm, có sức lan tỏa kinh tế - xã hội lớn.

- Đánh giá tiêu chuẩn Vai trò, vị trí đô thị trung tâm của xã Phụng Công đạt: **6,0 / 8,0 điểm.**

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 11,5/15,0 điểm.**

Bảng 1: Tính điểm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực kinh tế, tài chính, văn hoá, giáo dục đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông	Cấp tỉnh	7	Theo Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 (QĐ số 86/QĐ-TTg ngày 14/2/2023); xã Phụng Công được xác định là trung tâm kinh tế - xã hội phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên, phát triển theo định hướng: Đô thị - dịch vụ - thương mại - du lịch & phát triển nhà ở hiện đại, đồng bộ, sinh thái, thông minh; là đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước.	5,5
		Cấp xã	5,5		
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã được đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối	Cấp tỉnh	8	Xã Phụng Công nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên; giáp thủ đô Hà Nội và kết nối thuận lợi với các khu vực phát triển năng động trong vùng; Địa bàn có hệ thống giao thông quan trọng đi qua như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường Vành đai 3,5 của thủ đô Hà Nội; Tuyến đường di sản của tỉnh và các tuyến đường liên tỉnh ĐT 378, ĐT 379; ĐT.379B, ĐT.382B. Xã có nhiều khu đô thị hiện đại như khu đô thị Ecopark, khu biệt thự cao cấp như Hải Long Trang, khu biệt thự và nhà phố vườn Vạn Tuế - Sago Palm Garden, khu nhà ở phố mới Văn Giang tạo động lực phát triển mạnh về thương mại, dịch vụ; Phụng Công là nơi đặt cơ sở đào tạo của trường Đại học Anh Quốc Việt Nam - BUW và Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam và hệ thống trường liên cấp góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương	6
		Cấp xã	6		

3.2. Mức độ đô thị hoá

3.2.1. Tiêu chuẩn: Quy mô dân số đô thị

a. Cơ sở lý luận và phương pháp xác định

- Quy mô dân số đô thị (P) bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong đô thị do cơ quan công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Quy mô dân số đô thị đối với đô thị đã được công nhận loại đô thị trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành gồm dân số thường trú và dân số tạm trú trong khu vực.

Công thức tính: $P = N + N_t$

Trong đó:

P: Quy mô dân số đô thị (người);

N: Dân số thường trú trong đô thị theo quy định của pháp luật cư trú (người);

N_t : Dân số tạm trú trong đô thị theo quy định của pháp luật cư trú (người).

- Tổng dân số đô thị (T) bao gồm quy mô dân số và dân số lưu trú quy đổi trong đô thị.

Công thức tính: $T = P + Q$

Trong đó:

T: Tổng dân số đô thị (người);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

Q: Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị (người): Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị gồm khách lưu trú du lịch, khách tham gia các hoạt động văn hóa, lịch sử; lao động lưu trú; bệnh nhân và người nhà chăm sóc; lao động giao thương qua lại tại đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền (nếu có) và từ các hoạt động khác.

Công thức tính: $Q = 2 \times \frac{Q_t \times m}{365}$

Trong đó:

Q: Dân số lưu trú quy đổi trong đô thị (người);

Q_t : Số lượng khách lưu trú theo quy định của pháp luật cư trú (lượt);

m: Số ngày lưu trú trung bình của một khách (ngày).

b. Hiện trạng dân số, lao động trên địa bàn xã Phụng Công

Xã Phụng Công sở hữu vị thế địa lý thuận lợi, là nơi diễn ra các hoạt động giao thương kinh tế - xã hội năng động, thu hút mạnh mẽ dòng dịch cư cơ học. Nguồn dân số tạm trú và lưu trú tại địa phương chủ yếu là nhân công thời vụ, thợ làm vườn, thương lái nông sản, công nhân xây dựng và các kỹ sư làm việc tại các cơ sở canh tác nông nghiệp công nghệ cao và các dự án phát triển đô thị ở khu vực lân cận. Chi tiết về hiện trạng dân số và cấu trúc lao động của xã Phụng Công được tổng hợp cụ thể tại bảng dưới đây:

Bảng 2: Hiện trạng dân số

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2025
1	Dân số thường trú	Người	25.476
2	Dân số tạm trú	Người	19.851

c. Đánh giá tiêu chuẩn quy mô dân số đô thị loại III theo phụ lục IIA, Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: quy mô dân số của xã Phụng Công đạt **45.327 người** (trong đó dân số thường trú là 25.476 người, dân số tạm trú là 19.851 người). Đối chiếu với khung điểm tiêu chuẩn đô thị loại III (Thang điểm tối đa là 7,0 điểm, mức tối thiểu đạt điểm là từ 5,5 điểm với quy mô tối thiểu 20.000 dân).

Đánh giá tiêu chuẩn quy mô dân số đô thị đạt: 5,71 /7,0 điểm.

3.2.2. Tiêu chuẩn: Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên được xác định bằng quy mô dân số đô thị (P) trên diện tích tự nhiên của đô thị.

Công thức tính:
$$D = \frac{P}{S}$$

Trong đó:

D: Mật độ dân số (người/km²);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

S: Diện tích đất tự nhiên của đô thị (km²).

b. Hiện trạng phân bố dân cư

Hiện nay, sau quá trình sắp xếp và sáp nhập đơn vị hành chính, xã Phụng Công có diện tích tự nhiên là 14,61 km² (tương đương 1.461,00 ha). Toàn địa bàn có 6.915 hộ dân với quy mô dân số đô thị đạt 45.327 người (bao gồm cả dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi).

Sự phân bố dân cư trên địa bàn xã Phụng Công hiện nay thể hiện sự phân hóa rõ rệt nhưng mang tính hỗ trợ tương hỗ sâu sắc, hình thành nên hai không gian hình thái chính:

Không gian dân cư đô thị hóa hiện đại: Tập trung tại các khu vực dự án khu đô thị mới, dọc theo các trục giao thông đối ngoại và giao thông liên vùng. Khu vực này thu hút lượng lớn cư dân mới và lực lượng lao động chất lượng cao, hình thành các điểm nhấn kiến trúc và hạ tầng đồng bộ.

Không gian làng xã truyền thống: Tập trung quanh khu vực lõi di sản, các vùng sản xuất hoa - cây cảnh lâu đời và trung tâm hành chính cũ của xã. Dân cư phân bố nén, có mật độ cao theo các tuyến đường liên thôn, liên xã truyền thống, tạo nên bản sắc đô thị sinh thái đặc trưng.

Tính toán một cách cơ học trên tổng diện tích tự nhiên, mật độ dân số bình quân của toàn xã Phụng Công hiện đạt sấp xỉ 3.102,5 người/km²

Mức mật độ này phản ánh áp lực tích tụ dân cư tương đối cao, tạo tiền đề và động lực mạnh mẽ cho việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo tiêu chuẩn đô thị.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đối với đô thị loại III, yêu cầu mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên toàn đô thị tối thiểu phải đạt từ 500 người/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ mức tối thiểu đến tối đa là 4,5 đến 6,0 điểm).

Kết quả đối chiếu tại địa phương: Tiêu chuẩn mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên toàn đô thị của xã Phụng Công đạt 3.102,5 người/km² (được tính toán dựa trên tổng diện tích tự nhiên là 1.461 ha tương đương 14,61 km² và tổng quy mô dân số đô thị đã bao gồm quy đổi là 45.327 người).

Kết luận: Đối chiếu với mức yêu cầu tối thiểu của đô thị loại III là 500 người/km², mật độ thực tế của xã Phụng Công (3.102,5 người/km²) cao gấp hơn 6,2 lần so với mức sàn quy định.

Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên của xã Phụng Công đạt điểm tuyệt đối: **6,0 / 6,0 điểm**.

3.2.3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị được tính theo công thức sau:

$$K = \frac{E}{E_t} \times 100\%$$

Trong đó:

K: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%);

E: Số lao động của khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ (người);

E_t: Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (người).

Theo thống kê của Thống kê tỉnh Hưng Yên tại công văn số 360/TKT-TH ngày 05/06/2026, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã 79,0 %

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt 7,0/7,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí về mức độ đô thị hoá đạt: 18,71/20,0 điểm.**

Bảng 3: Tính điểm tiêu chí mức độ đô thị hoá

ST T	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥ 200	7	45,33	5,71
			20	5,5		
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km ²	≥ 1.000	6	3.102,5	6,0
			500	5		
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	7	79	7,0
			55	5,5		

3.3. Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

3.3.1. Về hạ tầng kỹ thuật

3.3.1.1. Giao thông

a. Đầu mối giao thông:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đầu mối giao thông của đô thị được xác định dựa trên sự hiện diện và năng lực vận hành của các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối cấp vùng hoặc cấp quốc gia nằm trên địa bàn, bao gồm: cảng hàng không, cảng biển/cảng đường thủy nội địa phân cấp, cảng cạn (ICD), ga đường sắt hỗn hợp/đường sắt đô thị, bến xe khách liên tỉnh.

- Hiện trạng tại địa phương: Khu vực xã Phụng Công hiện nay đóng vai trò là không gian phát triển đô thị sinh thái và thương mại dịch vụ. Qua rà soát hiện trạng, trên địa bàn xã hiện chưa có các công trình hạ tầng đầu mối quy mô lớn như cảng hàng không, cảng sông chuyên dụng, cảng cạn, ga đường sắt hay bến xe khách liên tỉnh; hiện mới chỉ có công trình đầu mối giao thông cấp xã.

Đánh giá kết quả: Đối chiếu với khung chỉ tiêu đô thị loại III, chỉ tiêu Đầu mối giao thông của xã Phụng Công đánh giá đạt: **3,0 / 4,0 điểm**.

b. Mật độ đường giao thông đô thị:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Mật độ đường giao thông đô thị được tính bằng tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị.

$$G = \frac{H}{S_1}$$

G: Mật độ đường giao thông đô thị (km/km²);

H: Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông đô thị (km);

S₁: Diện tích đất xây dựng đô thị (km²).

- Hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn

1. Hệ thống đường đối ngoại và đường tỉnh

- Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (QL5B): Đoạn chạy qua địa bàn xã có chiều dài khoảng 1,4 km, là hành lang vận tải đặc biệt quan trọng kết nối vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- Đường tỉnh 379 (ĐT.379): Tuyến trục dọc xương sống qua địa bàn xã với chiều dài khoảng 3,0 km. Đoạn chạy qua khu đô thị Ecopark được đầu tư hiện đại với bề rộng nền đường lên tới 100m, mặt đường nhựa chất lượng cao.

- Đường tỉnh 378 (ĐT.378): Tuyến đường chạy dọc theo đê tả sông Hồng, kết nối Phụng Công với các xã lân cận (Xuân Quan, Văn Giang, Mỹ Sở). Chiều dài qua xã khoảng 3,2 km, kết cấu mặt đường láng nhựa đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

- Đường tỉnh 379B (ĐT.379B): Chiều dài tuyến qua xã khoảng 6,2 km, hiện trạng đã được nâng cấp đồng bộ đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

- Các tuyến đường tỉnh khác (ĐT.382B nhánh trái và nhánh phải): Chạy dọc hai bên đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với tổng chiều dài qua xã khoảng 2,8 km, hiện đang được nâng cấp lên tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

2. Hệ thống đường giao thông đối nội

- Các tuyến kết nối liên khu vực (đường Tô Hiệu - ĐH.20 cũ, đường Phó Đức Chính - ĐH.23 cũ) đoạn qua địa bàn xã có chiều dài 0,2 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

- Hệ thống đường trục xã (dài 33,0 km, mặt đường rộng 7 - 9m) và đường thôn (dài 30,36 km) đã được bê tông hóa và nhựa hóa 100%, đáp ứng hoàn hảo tiêu chí giao thông nông thôn mới nâng cao.

3. Mạng lưới giao thông nội khu đô thị (Khu đô thị Ecopark)

- Đây là mạng lưới cốt lõi đóng vai trò là đường giao thông đô thị của địa phương với tổng chiều dài lên tới 46,29 km (100% thảm nhựa kiên cố), được phân cấp rõ ràng:

- Trục chính đô thị: Chiều dài 1,584 km (Mặt đường rộng 28m).
- Đường liên khu vực: Chiều dài 22,861 km (Mặt đường rộng từ 10m - 17m).
- Đường nội bộ khu nhà ở: Chiều dài 17,063 km (Mặt đường rộng 7m).

- Kết luận và Đánh giá:

- Quy định tiêu chuẩn: Theo Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về mật độ đường giao thông đối với đô thị loại III là 4,00 km/km² (Khung điểm từ mức sàn đến mức tối đa là 4,0 đến 5,0 điểm).

- Đánh giá thực tế: Mật độ đường giao thông đô thị thực tế của xã Phụng Công đạt 5,25 km/km². Đánh giá tiêu chuẩn mật độ đường giao thông đô thị của xã Phụng Công đạt điểm tối đa: **5,0 / 5,0 điểm**.

3.3.1.2. Cấp, thoát nước và xử lý nước thải

a. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trên quy mô dân số.

- Hiện trạng hệ thống cấp nước tại xã Phụng Công: Trên địa bàn xã Phụng Công, công tác hạ tầng kỹ thuật cấp nước được đầu tư tương đối đồng bộ nhờ tốc độ đô thị hóa nhanh và sự hiện diện của mạng lưới cấp nước hiện đại từ khu đô thị Ecopark và các nhà máy lân cận.

Hiện nay, 100% dân số trên địa bàn xã đã đạt chỉ tiêu sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh. Bản đồ mạng lưới và cơ cấu sử dụng nước sạch của địa phương phân hóa như sau:

(Chi tiết xem tại Phụ lục Biểu 6: thống kê hiện trạng cấp điện, cấp nước, cấp quang internet trên địa bàn xã phụng công).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung tối thiểu phải đạt từ 85% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch qua hệ thống tập trung của xã Phụng Công hiện đạt 100,0%.

- Áp dụng phương pháp tính điểm theo Nghị quyết 111, chỉ tiêu Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung của xã Phụng Công đạt: **3,0 / 3,0 điểm**.

b. Mật độ đường cống thoát nước chính: Mật độ đường cống thoát nước chính được tính bằng tổng chiều dài đường cống thoát nước chính trên tổng diện tích đất xây dựng đô thị.

- Hệ thống thoát nước của xã cơ bản là hệ thống nửa riêng và hệ thống riêng tại khu đô thị mới: nước mưa được thu gom trực tiếp xả ra nguồn tiếp nhận (sông Hồng, sông Bắc Hưng Hải), nước thải sinh hoạt được thu gom độc lập về các trạm xử lý cục bộ.

- Tính đến năm 2025, tổng chiều dài mạng lưới đường cống thoát nước chính (tuyến cống cấp 1 và cấp 2, có đường kính từ D400 trở lên hoặc lòng mương nắp đan rộng tương đương) trên địa bàn xã đạt 85,56 km. Hệ thống này chạy dọc theo các tuyến đường tỉnh ĐT.379, ĐT.378, ĐT.379B và mạng lưới đường trục chính, đường liên khu vực thuộc cấu trúc đô thị hiện đại.

- Như vậy, mật độ đường cống thoát nước chính trên địa bàn đạt: 10,9 km/km².

• Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, mật độ đường cống thoát nước chính yêu cầu tối thiểu phải đạt từ 3,0 km/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Mật độ đường cống thoát nước chính thực tế trên địa bàn xã Phụng Công đạt 10,9 km/km².

- Kết luận: Đối chiếu với mức sàn tối thiểu của quy chuẩn đô thị loại III (3,0 km/km²), hạ tầng mạng lưới cống thoát nước chính của xã Phụng Công vượt gấp 3,6 lần so với yêu cầu quy định. Hệ thống tiêu thoát nước vận hành ổn định, bảo đảm không xảy ra tình trạng ngập úng cục bộ tại các khu dân cư khi có mưa lớn.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Mật độ đường cống thoát nước chính của xã Phụng Công đạt điểm tối đa: **3,0 / 3,0 điểm**.

c. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết

kế theo quy hoạch: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng công suất vận hành các trạm xử lý nước thải hiện trạng trên tổng công suất thiết kế các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch.

- Hiện trạng hệ thống xử lý nước thải tại xã Phụng Công:

- Là địa phương có tốc độ đô thị hóa nhanh, cấu trúc hạ tầng môi trường của xã Phụng Công được thừa hưởng hệ thống thu gom và xử lý nước thải đồng bộ, tiên tiến từ khu đô thị Ecopark kết hợp các cụm xử lý nước thải tập trung đang được triển khai.

- Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các khu dân cư mới, làng nghề được thu gom qua hệ thống cống tách riêng (hoặc nửa riêng) và dẫn truyền về trạm xử lý nước thải tập trung để áp dụng công nghệ xử lý sinh học tiên tiến, bảo đảm chất lượng nước đầu ra đạt quy chuẩn môi trường loại A trước khi xả ra sông Bắc Hưng Hải.

- Căn cứ dữ liệu kỹ thuật thực tế, tổng công suất thiết kế hệ thống các trạm xử lý nước thải theo quy hoạch đồng bộ trên địa bàn là rất lớn nhằm đón đầu cho quy mô đô thị tương lai. Hiện nay, với quy mô lấp đầy dân cư hiện tại, tổng công suất vận hành thực tế của các trạm xử lý nước thải đang đạt 50% so với tổng công suất thiết kế toàn tải theo quy hoạch.

(Chi tiết thông số kỹ thuật và lưu lượng vận hành xem tại Phụ lục Biểu 8: Thống kê hệ thống trạm xử lý nước thải đô thị).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với công suất thiết kế theo quy hoạch yêu cầu mức tối thiểu phải đạt từ 50% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 0,75 đến 1,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Phụng Công đạt 50%.

- Kết luận: Đối chiếu với mức sàn quy định tối thiểu của đô thị loại III (50%), tỷ lệ công suất vận hành thực tế của hệ thống trạm xử lý nước thải xã Phụng Công đã đạt mức tối thiểu theo quy định, chứng minh hạ tầng kỹ thuật môi trường được đầu tư bài bản, có công suất dự phòng lớn, bảo đảm tính bền vững cho mục tiêu phát triển dài hạn.

- Theo phương pháp tính điểm của Nghị quyết mới, tiêu chuẩn Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch của xã Phụng Công đạt: **0,75 / 1,0 điểm**.

3.3.1.3. Xử lý chất thải rắn: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải.

- Hiện trạng công tác thu gom và xử lý chất thải rắn tại xã Phụng Công:
 - Là một trong những địa phương tiên phong trong công tác xây dựng nếp sống văn minh đô thị, xã Phụng Công đã thiết lập và vận hành hiệu quả mô hình thu gom, phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt. Hệ thống hạ tầng môi trường của địa phương được tổ chức chặt chẽ từ cấp thôn, xóm đến các khu đô thị mới:
 - Công tác thu gom: Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, cơ sở thương mại, dịch vụ và lượng dân số tạm trú quy đổi được các tổ đội vệ sinh môi trường và đơn vị chuyên trách thu gom triệt để hàng ngày với tỷ lệ bao phủ dịch vụ đạt gần như tuyệt đối.
 - Công tác xử lý: Toàn bộ khối lượng rác thải sau khi thu gom được vận chuyển tập trung bằng xe chuyên dụng về khu xử lý chất thải tập trung của tỉnh. Tại đây, rác thải được xử lý bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến (chủ yếu là thiêu đốt khoa học kết hợp phân loại tái chế), kiểm soát nghiêm ngặt các nguồn phát thải thứ cấp (nước rỉ rác, khí thải), đáp ứng hoàn toàn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.
 - Căn cứ vào dữ liệu theo dõi hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường trên địa bàn xã Phụng Công hiện đạt tới 98%.

(Chi tiết số liệu kiểm toán chất thải xem tại Phụ lục Biểu 9: Thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tối thiểu phải đạt từ 70% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Phụng Công đạt 98%.
- Kết luận: Đối chiếu với mức sàn tối thiểu của quy chuẩn đô thị loại III (70%), tỷ lệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt của xã Phụng Công (98%) đã vượt xa yêu cầu quy định. Công tác bảo vệ môi trường cảnh quan đô thị được duy trì tốt, không tồn tại các bãi tập kết rác tự phát gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của xã Phụng Công đạt điểm tuyệt đối: **3,0 / 3,0 điểm**.

3.3.1.4. Nghĩa trang đô thị

- a. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch: Tỷ lệ

diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là tỷ lệ phần trăm (%) diện tích nghĩa trang nhân dân đã được xây dựng so với quy hoạch.

- Thực trạng và cấu trúc phân bố hệ thống nghĩa trang tại xã Phụng Công:

- Dưới tác động kép của công tác sáp nhập địa giới hành chính và công tác giải phóng mặt bằng quy mô lớn để phục vụ xây dựng các dự án đại đô thị sinh thái (KĐT Ecopark), thực trạng và cấu trúc phân bố nghĩa trang trên địa bàn xã Phụng Công hiện nay đã có sự thay đổi căn bản, sâu sắc về mặt tổ chức không gian kỹ thuật.

- Từ hình thái truyền thống: Hệ thống nghĩa trang cũ mang tính phân tán, manh mún theo tập quán của từng thôn, làng, không có khoảng cách an toàn môi trường và gây xung đột cảnh quan với các khu vực phát triển mới.

- Đến xu hướng đô thị hóa: Thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị, xã Phụng Công đã và đang quyết liệt định hình lại mạng lưới này theo xu hướng quy tập, đóng cửa bốc mộ di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ, và chuyển dịch sang quản lý tập trung tại các vị trí cách ly an toàn môi trường.

- Hiện nay, địa phương đã đóng cửa các nghĩa trang không phù hợp quy hoạch, tổ chức chỉnh trang và trồng cây xanh cách ly tại các nghĩa trang tập trung hiện hữu quy mô lớn được giữ lại, đồng thời kết nối đồng bộ với quy hoạch phân khu của khu vực lân cận. Hệ thống này cơ bản bảo đảm vận hành phù hợp với định hướng hạ tầng kỹ thuật khi địa phương tiến hành thành lập Phường thuộc đô thị mới.

(Chi tiết vị trí, quy mô và lộ trình quản lý xem tại Phụ lục Biểu 10: Thống kê hiện trạng hệ thống nghĩa trang trên địa bàn).

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch yêu cầu mức tối thiểu phải đạt từ 50% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Do đang trong giai đoạn chuyển tiếp, thực hiện lộ trình di dời từng phần và quy tập dứt điểm các ngôi mộ phân tán về các khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch, chỉ số thực tế về diện tích nghĩa trang xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch của xã Phụng Công đạt 55,8%.

- Kết luận: Đối chiếu với khung chỉ tiêu của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đối với đô thị loại III, dù hạ tầng nghĩa trang của địa phương chịu áp lực lớn từ tốc độ đô thị hóa nhanh và dịch chuyển địa giới hành

chính, nhưng đã có giải pháp quy hoạch phân kỳ rõ ràng, bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường đô thị.

- Theo phương pháp tính điểm của khung tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch của xã Phụng Công đạt: **2,29 / 3,0 điểm**.

b. Nhà tang lễ:

- Xã Phụng Công đang trong giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình quản lý nông thôn sang mô hình chính quyền đô thị. Theo phong tục truyền thống từ trước đến nay, các nghi thức tang lễ của cư dân làng xã cũ phần lớn vẫn được tổ chức trực tiếp tại gia đình.

- Qua rà soát hiện trạng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn xã Phụng Công hiện nay chưa đầu tư xây dựng công trình nhà tang lễ độc lập, chuyên dụng. Tuy nhiên, đối với khu vực dân cư mới thuộc đại đô thị Ecopark và các dự án phát triển đô thị liền kề, việc tổ chức tang lễ bước đầu đã được định hướng liên kết, chia sẻ hạ tầng kỹ thuật với các trung tâm y tế, cơ sở an táng tập trung của khu vực lân cận, thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên nhằm bảo đảm yêu cầu văn minh, nếp sống mới.

• Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về hạ tầng nhà tang lễ đối với đô thị loại III là phải có tối thiểu 01 công trình phục vụ trên địa bàn toàn đô thị (Khung điểm đánh giá từ 2,5 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Do chưa có công trình nhà tang lễ nào được xây dựng độc lập trong phạm vi địa giới hành chính xã.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định cứng của quy chuẩn phổ thông, do chưa hình thành thiết chế hạ tầng này trên địa bàn, tiêu chuẩn Nhà tang lễ của xã Phụng Công đánh giá đạt: 0,0 / 3,0 điểm.

- Đề khắc phục điểm nghẽn hạ tầng này khi Phụng Công được công nhận đô thị loại III, trong quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị giai đoạn 2026 - 2030, địa phương cần bố trí quỹ đất và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng công trình nhà tang lễ liên vùng, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và đáp ứng 100% nhu cầu của cư dân đô thị trong tương lai.

Bảng 4.: Tính điểm tiêu chí hạ tầng kỹ thuật

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
-----	----------------------	-------------	--------------	-----------------	------------	-----------------

3.1.1	Giao thông			7-9		8
1	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp xã	3
			Cấp xã	3		
2	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ²	6	5	5,25	5
			4	4		
3.1.2	Cấp thoát nước và xử lý nước thải			4,75-7		6,75
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	3	100	3
			85	2		
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3,5	3	10,9	3
			3	2		
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥ 70	1	50	0,75
			50	0,75		
3.1.3	Xử lý chất thải rắn			2-3		3
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 80	3	98	3
			70	2		
3.1.4	Nghĩa trang đô thị			4,5-6		2,29
1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	≥ 70	3	55,8	2,29
			50	2		
2	Nhà tang lễ	cơ sở	≥ 1	3	Chưa có nhà tang lễ	0
			Có dự án	2,5		

3.3.2. Về Hạ tầng xã hội

3.3.2.1. Số giường bệnh:

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này phản ánh năng lực cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh của hệ thống y tế đô thị. Chỉ số được tính bằng tổng số giường bệnh thực tế tại các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa công lập và ngoài công lập trên địa bàn (quy định không bao gồm số giường bệnh tại các trạm y tế tuyến xã/phường) bình quân trên 10.000 dân đô thị.

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng y tế tại xã Phụng Công:

- Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng và phòng chống dịch bệnh trên địa bàn xã Phụng Công luôn được chú trọng đầu tư phát triển. Hiện nay, quỹ đất dành cho việc xây dựng cơ sở y tế trên địa bàn đạt 2,93 ha, hình thành nên một mạng lưới khám chữa bệnh từ cơ sở đến tuyến chuyên sâu, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương và các khu vực lân cận. Hệ thống cơ sở y tế trên địa bàn được phân bổ như sau:

- Khối Bệnh viện, Trung tâm y tế (được tính vào chỉ tiêu):

+ Bệnh viện Đa khoa Văn Giang (Tuyên tỉnh): Quy mô 285 giường bệnh. Nguồn nhân lực chất lượng cao với tổng số 129 cán bộ, nhân viên y tế (gồm 45 bác sĩ, dược sĩ và 84 cán bộ y tế khác).

+ Cơ sở y tế ngoài công lập (Viện mắt Alina): Quy mô 10 giường bệnh nội trú. Đội ngũ nhân sự gồm 34 cán bộ, nhân viên (trong đó có 11 bác sĩ chuyên khoa và 23 cán bộ chuyên môn khác).

- Khối Y tế cơ sở và Dịch vụ phụ trợ (không tính vào chỉ tiêu giường bệnh đô thị):

+ Trạm Y tế tuyến xã: Hiện duy trì 02 cơ sở (Trạm Y tế Phụng Công cũ và Trạm Y tế Xuân Quan cũ) với quy mô mỗi trạm 08 giường bệnh lưu trú tạm thời. Đội ngũ y tế cơ sở gồm 20 cán bộ (05 bác sĩ, 03 y sĩ, 07 điều dưỡng, 02 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 nhân viên dân số và 01 nhân viên kế toán).

+ Cơ sở dược: Mạng lưới gồm 12 cơ sở hành nghề dược tư nhân phân bố đều khắp các khu dân cư.

Từ dữ liệu trên, tổng số giường bệnh đô thị hợp lệ để đưa vào tính toán phân loại đô thị trên địa bàn xã Phụng Công là: 295 giường bệnh. Như vậy, chỉ tiêu giường bệnh của xã Phụng Công đạt 65,08 giường/10.000 dân.

(Chi tiết danh mục cơ sở y tế xem tại Phụ lục Biểu 12: Thống kê hệ thống công trình y tế trên địa bàn)

- Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về mức tối thiểu cho chỉ tiêu số giường bệnh bình quân là 30 giường/10.000 dân (Khung điểm đánh giá từ mức sàn đến mức tối đa là 3,75 đến 5,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Phụng Công đạt 65,08 giường/10.000 dân.

- Kết luận: Đối chiếu với khung quy chuẩn của đô thị loại III, hạ tầng y tế của xã Phụng Công hiện nay vô cùng vượt trội, cao gấp 2,2 lần so với mức yêu cầu tối thiểu nhờ sự hiện diện của Bệnh viện Đa khoa cấp vùng và chủ trương xã hội hóa y tế hiệu quả. Mạng lưới này không chỉ phục vụ tốt cho cư dân nội đô mà còn giảm tải cho tuyến trên.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Số giường bệnh của xã Phụng Công đạt điểm tuyệt đối: **5,0 / 5,0 điểm**.

3.3.2.2. Cơ sở giáo dục, đào tạo:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn về cơ sở giáo dục, đào tạo nhằm đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ giáo dục cấp đô thị và khả năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Chỉ tiêu này được xác định bằng tổng số lượng các cơ sở giáo dục và đào tạo cấp đô thị hiện đang hoạt động trên địa bàn, bao gồm: Các trường Đại học, Học viện, trường Cao đẳng, trường Trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm Dạy nghề, trường Trung học phổ thông (THPT) và các trường phổ thông nhiều cấp học (trong đó có cấp THPT). Các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở được phân loại thuộc hạ tầng cấp đơn vị ở (phục vụ dân sinh tại chỗ) và không cộng gộp vào chỉ tiêu này.

b. Hiện trạng hệ thống giáo dục và đào tạo tại xã Phụng Công

- Hệ thống giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Phụng Công hiện nay không chỉ dừng lại ở vai trò bảo đảm an sinh xã hội đơn thuần, mà đã vươn tầm trở thành một hệ sinh thái hạ tầng xã hội hoàn chỉnh, đồng bộ và có tính tích hợp cao. Đây được xem là điểm sáng và là động lực cốt lõi thúc đẩy tiến trình đô thị hóa bền vững của địa phương.

- Sự chuẩn bị bài bản này được phản ánh rõ nét qua việc địa phương đã dành một quỹ đất sạch khổng lồ lên tới 23,14 ha cho mục đích phát triển giáo dục chuyên ngành. Mạng lưới học đường tại đây thiết lập một cấu trúc phân cấp đô thị vô cùng sắc nét, kết hợp hài hòa giữa các giá trị dân sinh cốt lõi và tiêu chuẩn quốc tế:

- Hạ tầng giáo dục cấp đơn vị ở (Tạo nền tảng dân trí vững chắc): Mạng lưới trường công lập được củng cố mạnh mẽ sau sáp nhập với 03 trường Mầm non và 03 trường Tiểu học & THCS phân bố đều khắp các khu vực dân cư hiện hữu. Các công trình đều được quy hoạch với diện tích lớn như: Trường TH-THCS Xuân Quan (20.899 m²), Trường TH-THCS Phụng Công (14.240 m²) và Trường TH-THCS Cửu Cao (12.496 m²). Sự đầu tư đồng bộ này đã đem lại kết quả vượt chuẩn quy định khi 100% các trường đều đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ phòng học kiên cố đạt mức tuyệt đối 100%.



Trường TH-THCS Phụng Công



TH-THCS Xuân Quan

- Hạ tầng giáo dục, đào tạo cấp đô thị và quốc tế (Điểm nhấn đột phá): Đây chính là khía cạnh mang tính đột biến của Phụng Công so với các đơn vị hành chính cùng cấp, thể hiện năng lực thu hút hạ tầng xã hội rất mạnh mẽ. Trên địa bàn xã hiện đang sở hữu các cơ sở giáo dục cấp đô thị quy mô lớn gồm:

- Khối Trung học phổ thông & Liên cấp: Sự hiện diện của Trường THPT Văn Giang (20.018 m²) cùng các tổ hợp trường liên cấp cao cấp như Trường phổ thông

liên cấp Greenfield (30.000 m²) và Trường phổ thông liên cấp Edison Schools (21.500 m²) nằm trong không gian đô thị mới.

- Khối Đại học, Đào tạo chuyên sâu: Đặc biệt hơn cả là sự góp mặt của hai cơ sở giáo dục đại học quốc tế đầu não gồm Đại học Anh Quốc Việt Nam - BUV (65.000 m²) và Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam (150.000 m²). Sự hiện diện của các thiết chế này đã chính thức định vị Phụng Công như một trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao cấp vùng.



Trường đại học Anh Quốc Việt Nam BUV

Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam

- Tổng hợp lại, trên địa bàn xã Phụng Công hiện có 06 cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (bao gồm trường đại học, trường THPT, trường liên cấp có khối THPT và cơ sở dạy nghề), đáp ứng hoàn hảo tiêu chuẩn về phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

(Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 13: Thống kê hệ thống cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn)

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu đối với cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị được đánh giá dựa trên số lượng công trình phục vụ trên quy mô dân số và tính chất đô thị.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với 06 cơ sở đào tạo từ cấp THPT đến Đại học quốc tế, xã Phụng Công không chỉ đáp ứng đủ số lượng mà còn vượt trội về chất lượng cơ sở vật chất so với mặt bằng chung của một đô thị loại III. Các cơ sở này đang phục vụ hiệu quả không chỉ cho 45.327 dân trên địa bàn mà còn thu hút hàng ngàn học sinh, sinh viên từ các vùng lân cận.

- Kết luận: Đối chiếu với thang điểm đánh giá của Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhờ sở hữu hệ sinh thái giáo dục đa dạng, chất lượng cao và quy mô diện tích đạt chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn Cơ sở giáo dục, đào tạo của xã Phụng Công đạt điểm số rất cao: **4,44 / 5,0 điểm**.

3.3.2.3. Công trình văn hoá:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị, tiêu chuẩn công trình văn hóa nhằm đánh giá mức độ hoàn thiện của hệ thống thiết chế văn hóa, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ tinh thần của cư dân đô thị.

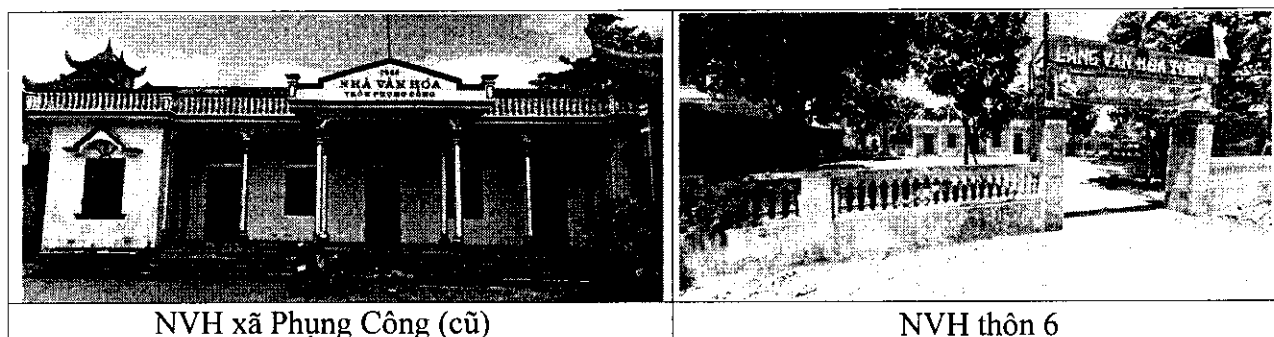
- Các công trình văn hóa cấp đô thị được đưa vào đánh giá bao gồm: thư viện, bảo tàng, không gian triển lãm/nhà trưng bày, nhà hát, rạp xiếc, rạp chiếu phim, trung tâm/nhà văn hóa cấp đô thị, cung thiếu nhi, trung tâm hội nghị, câu lạc bộ, các tổ hợp vui chơi giải trí quy mô lớn, công trình di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công trình kiến trúc có giá trị, tượng đài và các thiết chế văn hóa cấp đô thị khác.

b. Hiện trạng hệ thống thiết chế văn hóa tại xã Phụng Công

- Hạ tầng văn hóa trên địa bàn xã Phụng Công luôn được chú trọng quan tâm đầu tư, từng bước hiện đại hóa nhằm đáp ứng toàn diện nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, vui chơi, giải trí và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Các công trình, cơ sở văn hóa - thể thao tại địa phương không chỉ phục vụ nhu cầu thụ hưởng văn hóa thường xuyên của người dân, mà còn là không gian tổ chức các sự kiện chính trị, văn nghệ, thể thao quần chúng, và tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Sự chuẩn bị bài bản cho hạ tầng văn hóa đô thị được thể hiện bằng những con số ấn tượng về quy hoạch quỹ đất. Quỹ đất dự trữ dồi dào này là cơ sở không gian vô cùng quan trọng để địa phương tiếp tục thu hút đầu tư, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng và nâng cao chất lượng sống của cư dân trong lộ trình nâng cấp đô thị.

- Hiện nay, qua rà soát và đối chiếu, trên địa bàn xã Phụng Công đang sở hữu 06 công trình văn hóa cấp đô thị, bao gồm các khu trung tâm văn hóa, không gian bảo tồn di tích, trung tâm hội nghị và các tổ hợp vui chơi giải trí phức hợp. *(Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 14: Thống kê hệ thống các công trình văn hóa trên địa bàn).*



c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này đánh giá dựa trên số lượng, quy mô và chất lượng các công trình văn hóa cấp đô thị hiện có trên địa bàn, bảo đảm phục vụ tốt cho quy mô dân số tương ứng.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với hệ thống quỹ đất lớn cùng 06 công trình văn hóa hiện hữu, xã Phụng Công đã hình thành được một mạng lưới thiết chế văn hóa đa dạng, đan xen giữa bảo tồn giá trị truyền thống và hội nhập các không gian giải trí hiện đại.

- Kết luận: Đối chiếu với thang điểm đánh giá của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hệ thống hạ tầng văn hóa của xã Phụng Công hoàn toàn đáp ứng các tiêu chí khắt khe của một đô thị loại III năng động, có bản sắc. Sự hiện diện của các thiết chế văn hóa đồng bộ giúp địa phương không chỉ là nơi lưu trú mà còn là một điểm đến sống khỏe, sống có chất lượng.

- Theo phương pháp chấm điểm, tiêu chuẩn Công trình văn hóa cấp đô thị của xã Phụng Công đánh giá đạt điểm số rất cao: **4,38 / 5,0 điểm**.

3.3.2.4. Công trình thể dục, thể thao:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tiêu chuẩn công trình thể dục, thể thao cấp đô thị nhằm đánh giá mức độ đồng bộ của hạ tầng phục vụ thi đấu, huấn luyện và các giải đấu quy mô lớn, thúc đẩy phong trào rèn luyện thể chất toàn dân.

- Các công trình được tính toán vào chỉ tiêu này bao gồm: Sân vận động trung tâm, khu liên hợp thể thao, nhà thi đấu đa năng, bể bơi tiêu chuẩn chuyên dụng, trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị và các thiết chế thể thao lớn khác có chức năng phục vụ liên vùng. Các sân thể thao cơ bản, sân bóng đá mini hoặc cụm tiện ích nội khu nhà ở được phân loại thuộc hạ tầng cấp đơn vị ở (phục vụ nhu cầu dân sinh tại chỗ) và không được cộng gộp vào chỉ tiêu cấp đô thị này.

b. Hiện trạng hệ thống hạ tầng thể dục - thể thao tại xã Phụng Công

- Hạ tầng thể dục - thể thao trên địa bàn xã Phụng Công luôn được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư, quy hoạch quỹ đất nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, rèn luyện thể chất và nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Phong trào thể thao quần chúng phát triển rất mạnh mẽ, thu hút đông đảo mọi tầng lớp cư dân tham gia.

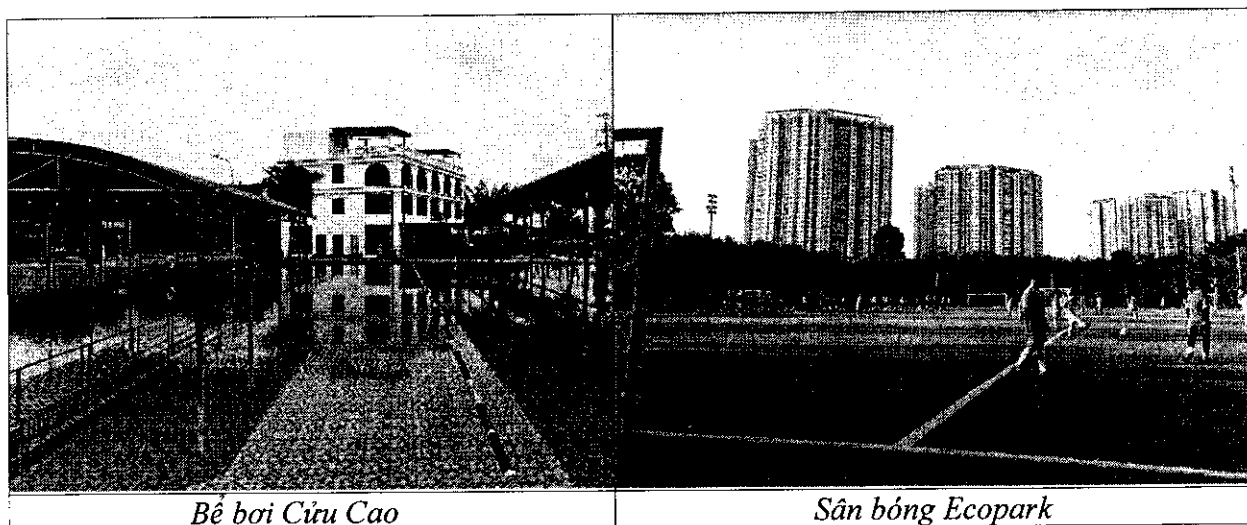
- Mạng lưới sân bãi, công trình thể thao tại địa phương có đặc điểm phân hóa rõ nét:

- Tại khu vực dân cư nông thôn cũ: 100% các thôn, làng sau sáp nhập đều có nhà văn hóa kết hợp sân thể thao cơ bản, sân cầu lông, bóng chuyền và các điểm lắp đặt dụng cụ tập thể dục ngoài trời, đáp ứng tốt nhu cầu rèn luyện hàng ngày của người dân.

- Tại khu vực đô thị mới (KĐT Ecopark): Sở hữu mật độ sân thể thao dân sinh rất dày đặc và cao cấp, bao gồm hàng chục sân tennis, hệ thống bể bơi thông minh nội khu, sân bóng đá cỏ nhân tạo và học viện golf.

- Tuy nhiên, xét theo tiêu chuẩn kỹ thuật phân cấp công trình của Bộ Xây dựng và ngành văn hóa - thể thao, các công trình hiện hữu nêu trên đều nằm trong danh mục hạ tầng phục vụ nội khu hoặc nhóm nhà ở (cấp đơn vị ở). Qua rà soát hiện trạng, trong phạm vi địa giới hành chính xã Phụng Công hiện nay chưa có công trình thể dục, thể thao quy mô lớn đạt tiêu chuẩn cấp đô thị (như nhà thi đấu đa năng của đô thị, trung tâm thể thao hay sân vận động trung tâm).

(Chi tiết xem tại Phụ lục Biểu 15: Thống kê hệ thống các công trình thể dục, thể thao trên địa bàn).



Bể bơi Cửu Cao

Sân bóng Ecopark

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu tối thiểu về hạ tầng thể thao cấp đô thị là phải có công trình đầu mối vận hành thiết lập trên địa bàn nhằm phục vụ chung cho toàn đô thị (Khung điểm đánh giá từ 3,0 đến 4,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Do chưa hình thành được thiết chế thể thao cấp đô thị độc lập trong phạm vi hành chính xã.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định của đô thị loại III, tiêu chuẩn Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị của xã Phụng Công đánh giá đạt: **0,0 / 4,0 điểm**.

- Giải trình và lộ trình khắc phục: Nhằm hoàn thiện tiêu chuẩn này trong tiến trình đưa xã Phụng Công lên Phường và hoàn thiện hạ tầng toàn đô thị, đồ án Quy

hoạch chung đô thị giai đoạn 2026 - 2030 cần quy hoạch đồng bộ quỹ đất dành cho khu thể thao trung tâm và nhà thi đấu đa năng liên vùng. Đồng thời, địa phương cần tích cực đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư các tổ hợp thể thao, giải trí phức hợp chất lượng cao để sớm lấp đầy điểm nghẽn hạ tầng này.

3.3.2.5. Công trình thương mại, dịch vụ:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn công trình thương mại, dịch vụ nhằm đánh giá năng lực cung ứng hàng hóa, quy mô giao thương và mức độ phát triển kinh tế nội đô.

- Các công trình được đưa vào tính toán quy đổi cấp đô thị bao gồm: Các trung tâm thương mại, siêu thị lớn, chợ đầu mối, chợ dân sinh được phân cấp (Hạng I, II, III) có ban quản lý hoặc tổ chức điều hành chuyên nghiệp, các tuyến phố thương mại tập trung và các cơ sở dịch vụ quy mô lớn khác. Mạng lưới này phải bảo đảm bán kính phục vụ, sự đa dạng về chủng loại mặt hàng và năng lực cung ứng cho toàn bộ cư dân đô thị cũng như khách du lịch.

b. Hiện trạng hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ tại xã Phụng Công

- Hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Phụng Công có tốc độ phát triển mạnh mẽ và ổn định, từng bước mở rộng về quy mô và đa dạng hóa về loại hình. Sở hữu lợi thế chiến lược về vị trí địa lý, tiếp giáp các trục giao thông đối ngoại huyết mạch (điển hình là đường ĐT 379B) và tốc độ gia tăng dân số cơ học cao, lĩnh vực thương mại - dịch vụ đang đóng vai trò là động lực then chốt trong cơ cấu kinh tế địa phương, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

- Mạng lưới hạ tầng thương mại - dịch vụ trên địa bàn được phân bổ đồng bộ và hiện đại, cụ thể:

- Hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại cao cấp: Trên địa bàn xã đã hình thành 05 siêu thị lớn đóng vai trò là các hạt nhân kinh tế thương mại, tập trung chủ yếu tại khu vực đô thị mới Ecopark nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng chất lượng cao, bao gồm:

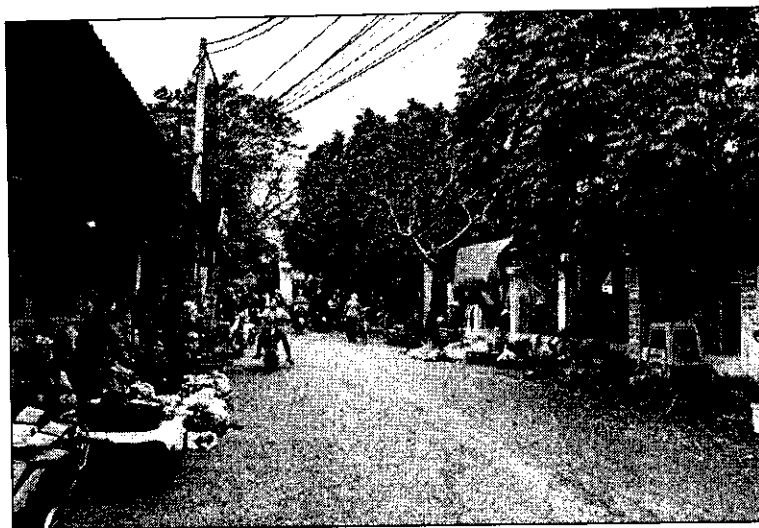
- 02 Siêu thị thuộc hệ thống chuỗi bán lẻ Aeon (các dòng siêu thị Aeon MaxValu).

- 02 Siêu thị WinMart thuộc tập đoàn Masan.

- 01 Siêu thị Citymart cùng hệ thống siêu thị tích hợp MarkValue.

- Mạng lưới chợ truyền thống và cửa hàng tiện ích:

- Chợ dân sinh: Địa phương hiện có 03 chợ tương ứng Chợ hạng III đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng khang trang, vận hành chuyên nghiệp dưới sự quản lý của Ban quản lý chợ, bảo đảm tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy.



Chợ Phụng Công

- Hạ tầng bán lẻ phụ trợ: Hàng ngàn hộ kinh doanh cá thể kết hợp với các chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (WinMart+, thực phẩm sạch...) đang phát triển bùng nổ dọc theo trục ĐT 379B và các lối chung cư, đáp ứng dịch vụ 24/7 cho toàn địa bàn. Các mặt hàng kinh doanh đa dạng từ điện tử, điện lạnh, kim khí đến lương thực, thực phẩm thiết yếu.



Phố Trúc Ecopark

- Định hướng phát triển du lịch, dịch vụ chuyên sâu: Cùng với đà đô thị hóa, Phụng Công đang từng bước hình thành các không gian kinh doanh dịch vụ tập trung có tính liên kết cao như: Khu phố ẩm thực, các cơ sở lưu trú, nghỉ dưỡng và các trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tạo nền tảng vững chắc để hướng tới phân khúc dịch vụ cao cấp và du lịch sinh thái ven đô.

- Tổng hợp lại, trên địa bàn xã Phụng Công hiện có hơn 05 công trình thương mại - dịch vụ quy mô lớn đạt đầy đủ các tiêu chuẩn phân cấp công trình đô thị. (Chi tiết danh mục công trình xem tại Phụ lục Biểu 16: Thống kê hệ thống các công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn).

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị phải bảo đảm số lượng tối thiểu từ 02 công trình trở lên.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Sự xuất hiện của các ông lớn bán lẻ quốc tế và trong nước (Aeon, WinMart) kết hợp hài hòa với mạng lưới 03 chợ hạng III truyền thống giúp hạ tầng thương mại của Phụng Công vượt trội hơn hẳn so với tiêu chuẩn phổ thông của một xã đang hình thành đô thị.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định và thang điểm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ của xã Phụng Công đã hoàn thiện đồng bộ, hiện đại, đi trước một bước để đón đầu quy mô dân số đô thị tương lai.

- Theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Công trình thương mại, dịch vụ của xã Phụng Công đánh giá đạt điểm tối đa tuyệt đối: **3,0 / 3,0 điểm.**

3.3.2.6. Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người là thước đo tổng hợp về mức độ tiếp cận hạ tầng xã hội của người dân đô thị. Chỉ tiêu này được xác định bằng tỷ lệ giữa tổng diện tích đất xây dựng các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị (bao gồm các lĩnh vực: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ) chia cho quy mô dân số toàn đô thị.

b. Hiện trạng thực tế tại xã Phụng Công

- Căn cứ vào số liệu hiện trạng sử dụng đất đã được tổng hợp và đối chiếu đồng bộ tại các Phụ lục Biểu 12, 13, 14, 15 và 16, tổng diện tích đất dành cho các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị trên địa bàn xã Phụng Công hiện nay đạt 80,97ha.

- Với quy mô dân số toàn đô thị được xác định là 45,3 nghìn người, chỉ tiêu đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người trên địa bàn xã Phụng Công đạt khoảng 17,86 m²/người.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn quy định về đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người đối với đô thị loại III phải đạt tối thiểu từ 1,5 m²/người trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Phụng Công đạt 17,86 m²/người, vượt xa so với mức sàn quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Kết luận: Nhờ chiến lược quy hoạch đi trước một bước, chủ động dành quỹ đất lớn cho các tổ hợp giáo dục quốc tế, bệnh viện và thiết chế văn hóa, xã Phụng Công đã tạo ra một không gian hạ tầng công cộng vô cùng lý tưởng. Chỉ số thực tế 17,86 m²/người vượt mức yêu cầu tối thiểu của đô thị loại III.

- Do đó, tiêu chuẩn Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người của xã Phụng Công đánh giá đạt điểm tối đa tuyệt đối: **3,0 / 3,0 điểm**.

Tổng hợp đánh giá chỉ tiêu về hạ tầng xã hội đạt 19,82/25 điểm

Bảng 5: Tính điểm tiêu chí hạ tầng xã hội

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Số giường bệnh	giường/10.000 dân	≥ 35	5	65,08	5
			30	3,75		
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	≥ 10	5	6	4,44
			1	3,75		
3	Công trình văn hoá	công trình	≥ 10	5	6	4,38
			2	3,75		
4	Công trình thể dục, thể thao	công trình	≥ 5	4	0	0
			2	3		
5	Công trình thương mại, dịch vụ	công trình	≥ 5	3	≥ 5	3
			2	2		
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	3	17,86	3
			1,5	2		

3.3.3. Về không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị

3.3.3.1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên:

a. Chỉ tiêu: Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên

- Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, không gian xanh sử dụng công cộng là các khu vực cây xanh, công viên, vườn hoa, sân chơi, quảng trường được quy hoạch và xây dựng nhằm phục vụ miễn phí nhu cầu vui chơi, giải trí, giao tiếp ngoài trời, rèn luyện sức khỏe của cộng đồng dân cư, bảo đảm quyền tiếp cận tự do của mọi người dân. Chỉ tiêu này cân đo số lượng các tổ hợp không gian xanh tập trung có quy mô diện tích độc lập từ 2,0 ha trở lên nhằm bảo đảm bán kính phục vụ và chất lượng vi khí hậu cho đô thị.

- Hiện trạng hệ thống không gian xanh công cộng tại xã Phụng Công: Nằm trong lõi phát triển của thủ phủ hoa cây cảnh và được định hình bởi các dự án đại

đô thị sinh thái kiểu mẫu, xã Phụng Công sở hữu mật độ và chất lượng không gian xanh công cộng thuộc nhóm dẫn đầu khu vực. Sự đan xen giữa hệ sinh thái cây xanh mặt nước truyền thống và các công viên hiện đại tạo nên một diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị đặc trưng.

- Căn cứ dữ liệu kiểm kê hạ tầng kỹ thuật, trên địa bàn xã Phụng Công hiện có 03 khu không gian xanh công cộng quy mô lớn (từ 2,0 ha trở lên) đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, vận hành hiệu quả phục vụ cộng đồng.

(Chi tiết về vị trí, ranh giới và quy mô cụ thể của từng khu vực xem tại Phụ lục Biểu 17: Thống kê danh mục các không gian xanh sử dụng công cộng)

b. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô lớn (từ 2,0 ha trở lên) nhằm đảm bảo công năng cấp đô thị tối thiểu phải đạt từ 1 đến 2 khu trên toàn địa bàn (Khung điểm đánh giá từ 3,0 đến 4,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Địa bàn xã Phụng Công hiện sở hữu 03 khu công viên, không gian xanh công cộng đạt quy chuẩn quy mô diện tích.

- Kết luận: Đối chiếu với quy chuẩn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với đô thị loại III, số lượng không gian xanh công cộng quy mô lớn của xã Phụng Công (03 khu) không những đạt mà còn vượt phân khúc trên của khung tiêu chuẩn. Mạng lưới xanh này bảo đảm bán kính tiếp cận lý tưởng cho cư dân, tạo nên môi trường sống sinh thái bền vững vượt trội so với các đô thị cùng cấp.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất, tiêu chuẩn Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên của xã Phụng Công đạt điểm tối đa tuyệt đối: **4,0 / 4,0 điểm**.

3.3.3.2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên:

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định: Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này đánh giá mức độ cân bằng sinh thái và độ phủ mảng xanh toàn diện trên toàn bộ diện tích hành chính của đô thị.

- Chỉ số được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng diện tích các loại hình không gian xanh trên tổng diện tích tự nhiên toàn địa bàn. Cấu trúc không gian xanh bao gồm ba nhóm cốt lõi:

- Không gian xanh tự nhiên: Hệ thống thảm thực vật tự nhiên ven sông Hồng, sông Bắc Hưng Hải, hệ thống mặt nước bãi bồi.

- Không gian xanh bán tự nhiên: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng hoa, cây cảnh chuyên canh.

- Không gian xanh nhân tạo: Hệ thống công viên công cộng, cây xanh chuyên dụng, cây xanh cách ly hành lang kỹ thuật, mảng mọc xanh trong các dự án nhà ở và cơ quan.

b. Hiện trạng cấu trúc mảng xanh tại xã Phụng Công:

- Xã Phụng Công sở hữu một cấu trúc sinh thái đặc thù mang tính kiểu mẫu cho xu hướng đô thị hóa bền vững nhờ sự tích hợp giữa hai yếu tố: vùng lõi đô thị sinh thái hiện đại Ecopark và vùng đệm nông nghiệp đô thị trù phú.

- Mảng xanh bán tự nhiên và tự nhiên: Địa phương là đầu mối giao thương và canh tác hoa, cây cảnh trọng điểm của tỉnh. Do đó, phần lớn diện tích đất nông nghiệp tại đây luôn duy trì mật độ phủ xanh quanh năm với thảm thực vật có giá trị kinh tế và cảnh quan cao, kết hợp chặt chẽ với dải xanh sinh thái bảo vệ dọc hành lang các tuyến sông qua địa bàn.

- Mảng xanh nhân tạo đô thị: Hệ thống cây xanh đường phố dọc các tuyến ĐT.379, ĐT.379B, mạng lưới công viên nén trong các khu dân cư cũ và các đại công viên, dải cây xanh cách ly của phân khu đô thị mới được chăm sóc, vận hành theo tiêu chuẩn cao cấp.

- Sự cộng hưởng này giúp tổng diện tích không gian xanh quy đổi toàn địa bàn phát triển rất lớn. Căn cứ dữ liệu tổng hợp hiện trạng sử dụng đất (*đối chiếu đồng bộ từ Phụ lục Biểu 17*), tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên của xã Phụng Công hiện đạt 37,79%.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên toàn đô thị yêu cầu tối thiểu phải đạt từ 25% trở lên (Khung điểm đánh giá từ 2,0 đến 3,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Phụng Công đạt 37,79%.

- Kết luận: Đối chiếu với mức sàn quy định tối thiểu của đô thị loại III (25%), tỷ lệ diện tích không gian xanh của xã Phụng Công đã vượt chuẩn quy định. Đây là minh chứng rõ nét cho mô hình "đô thị trong vườn", bảo đảm tối ưu hóa chất lượng môi trường sống, giảm thiểu hiệu ứng đảo nhiệt đô thị và phát triển bền vững vững chắc khi chuyển đổi mô hình đô thị.

- Do đó, theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên của xã Phụng Công đạt điểm tối đa tuyệt đối: **3,0 / 3,0 điểm**.

3.3.3.3. *Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị:* Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị được tính bằng tổng diện tích đất công viên, vườn hoa cấp đô thị (không bao gồm đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đơn vị ở) tính trên quy mô dân số. Tỷ lệ này đạt: 9,18 m²/người

Đánh giá tiêu chuẩn Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt: 3,0/3,0 điểm

3.3.3.4. *Quy chế quản lý kiến trúc:*

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 và Luật Kiến trúc, tiêu chuẩn Quy chế quản lý kiến trúc nhằm đánh giá công cụ pháp lý và năng lực kiểm soát của chính quyền đô thị trong việc quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan, bảo tồn danh lam thắng cảnh, kiến trúc có giá trị và định hình bản sắc đô thị.

- Chỉ tiêu này được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thiện của văn bản pháp lý (đã ban hành Quy chế quản lý kiến trúc hoặc Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu được duyệt) và thời gian thực tế triển khai áp dụng vào công tác cấp phép xây dựng, quản lý trật tự đô thị tại địa phương.

b. Hiện trạng triển khai tại xã Phụng Công

- Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kiểm soát không gian cảnh quan trong tiến trình đô thị hóa tốc độ cao, xã Phụng Công đã chủ động áp dụng các công cụ quản lý quy hoạch và kiến trúc một cách bài bản.

- Hiện nay, toàn bộ không gian địa giới hành chính của xã đã được phủ kín và kiểm soát chặt chẽ bởi các Quy định quản lý quy hoạch theo các đồ án Quy hoạch phân khu đô thị D1, E2 và E4 do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các quy định quản lý này đã được chính quyền địa phương nghiêm túc tổ chức thực hiện, áp dụng đồng bộ vào thực tế trên 01 năm.

- Việc triển khai quy chế quản lý theo phân khu trong hơn một năm qua đã mang lại những kết quả rõ nét:

- Đối với vùng lõi đô thị mới (KĐT Ecopark): Kiểm soát tốt mật độ xây dựng, chiều cao tầng, chỉ giới đường đỏ và hình thái kiến trúc hiện đại, bảo đảm tính thống nhất của các tổ hợp chung cư cao tầng và biệt thự sinh thái.

- Đối với khu vực làng xóm cũ, làng nghề truyền thống: Từng bước định hình kiến trúc dân cư nông thôn chuyển đổi sang phố thị, bảo tồn các thiết chế không gian kiến trúc có giá trị truyền thống đan xen với các tuyến phố thương mại mới, hạn chế tình trạng xây dựng tự phát, sai quy hoạch.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đô thị phải có Quy chế quản lý kiến trúc được duyệt và thời gian triển khai thực tế tối thiểu từ 01 năm trở lên (Khung điểm đánh giá từ 4,0 đến 5,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Xã Phụng Công đã có công cụ kiểm soát cho các phân khu cốt lõi (D1, E2, E4) và đã vận hành hiệu quả ổn định trên 01 năm, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý nhà nước về kiến trúc cảnh quan ở giai đoạn hiện tại.

- Kết luận: Đối chiếu với khung thang điểm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, việc sở hữu và vận hành nghiêm túc hệ thống quy định quản lý theo phân khu giúp công tác quản lý trật tự xây dựng tại Phụng Công đi vào nề nếp, có định hướng rõ ràng. Nhờ những kết quả tích cực trong thực tế, tiêu chuẩn Quy chế quản lý kiến trúc của xã Phụng Công đánh giá đạt điểm: **4,0 / 5,0 điểm**.

- Giải trình hướng hoàn thiện: Để đạt điểm tối đa tuyệt đối (5,0 điểm), song song với tiến trình hình thành đô thị, địa phương đang phối hợp với cơ quan chuyên môn tiến hành tổng hợp, cập nhật và tích hợp các quy định phân khu này để xây dựng thành một tập tài liệu Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị nhất quán, trình UBND tỉnh phê duyệt trong giai đoạn tới nhằm đồng bộ hóa công tác quản lý trên toàn địa bàn hành chính mới.

Tổng hợp đánh giá tiêu chí kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt 14 điểm

Bảng 6: Tính điểm tiêu chí kiến trúc, cảnh quan đô thị

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định	Điểm tiêu chuẩn	Hiện trạng	Điểm hiện trạng
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02 ha trở lên	khu	≥ 2	4	3	4,0
			1	3		
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥ 35	3	37,79	3,0
			25	2		
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	≥ 7	3	9,18	3,0
			6	2,5		
4	Quy chế quản lý kiến trúc	quy chế	Đã thực hiện quy chế từ 03 năm trở lên	5	Đã thực hiện trên 1 năm	4,0
			Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4		

3.4. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị

Từ những đánh giá trên, đô thị đã đạt được những thành tựu lớn trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: Trong 23 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

- 12 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa
- 4 tiêu chuẩn đạt mức khá.
- 5 tiêu chuẩn đạt điểm nhưng ở mức thấp.
- 2 Tiêu chuẩn chưa đạt điểm.

Kết quả đánh giá, tính điểm đô thị khu vực xã Phụng Công theo 3 nhóm chỉ tiêu đạt được 83,69 điểm, tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 7: Tổng hợp kết quả tính điểm

STT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm Tối đa – tối thiểu	Điểm
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	11,5-15	11,5
II	Tiêu chí mức độ đô thị hoá	15,5-20	18,71
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	48-65	52,48
	Tổng cộng toàn đô thị		83,69

Bảng 8: Chi tiết đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị loại III xã Phụng Công

QUY ĐỊNH						HIỆN TRẠNG	
Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm
		Tổng					83,69
I		TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI			11,5-15		11,5
1	2A.I.01	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	7	Theo Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 (QĐ số 86/QĐ-TTg ngày 14/2/2023); xã Phụng Công được xác định là trung tâm kinh tế - xã hội phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên, phát triển theo định hướng: Đô thị - dịch vụ - thương mại - du lịch & phát triển nhà ở hiện đại, đồng bộ, sinh thái, thông minh; là đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước.	5,5
2	2A.I.02	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		Cấp tỉnh	8	Xã Phụng Công nằm ở phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên; giáp thủ đô Hà Nội và kết nối thuận lợi với các khu vực phát triển năng động trong vùng; Địa bàn có hệ thống giao thông quan trọng đi qua như cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, đường	6

						Vành đai 3,5 của thủ đô Hà Nội; Tuyến đường di sản của tỉnh và các tuyến đường liên tỉnh ĐT 378, ĐT 379; ĐT 379B, ĐT 382B. Xã có nhiều khu đô thị hiện đại như khu đô thị Ecopark, khu biệt thự cao cấp như Hải Long Trang, khu biệt thự và nhà phố vườn Vạn Tuế - Sago Palm Garden, khu nhà ở phố mới Văn Giang tạo động lực phát triển mạnh về thương mại, dịch vụ; Phụng Công là nơi đặt cơ sở đào tạo của trường Đại học Anh Quốc Việt Nam - BUW và Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam và hệ thống trường liên cấp góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương	
II		TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA			15,5-20		18,71
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	nghìn người	≥ 200	7	45,3	5,71
				20	5,5		
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km ²	≥ 1.000	6	3102,5	6,00
				500	4,5		
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	≥ 65	7	79	7
				55	5,5		
III		TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ			48-65		53,48
III.1		Về hạ tầng kỹ thuật			18,25-25		18,665
3.1.1		Giao thông			7-9		7,625
1	2A.III.06	Đầu mối giao thông		Cấp tỉnh	4	Cấp xã	3
				Cấp xã	3		
2	2A.III.07	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ²	6	5	5,25	4,63
				4	4		
3.1.2		Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải			4,75-7		6,75
1	2A.III.08	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	3	100	3
			%	85	2		
2	2A.III.09	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 3,5$	3	10,9	3
				3	2		
3	2A.III.10	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	≥ 70	1	50	0,75
			%	50	0,75		
3.1.3		Xử lý chất thải rắn			2-3		3
1	2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	≥ 80	3	98	3
				70	2		
3.1.4		Nghĩa trang đô thị			4,5-6		2,29
1	2A.III.12	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	≥ 70	3	55,8	2,29
				50	2		
2	2A.III.13	Nhà tang lễ	Cơ sở	≥ 1	3	Chưa có nhà tang lễ	0
				Có dự án	2,5		
III.2		Về hạ tầng xã hội			18,25-25		19,82
1	2A.III.14	Số giường bệnh	giường/10.000 dân	≥ 35	5	65,08	5
				30	3,75		
2	2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	≥ 10	5	6	4,44
				1	3,75		
3	2A.III.16	Công trình văn hóa	Công trình	≥ 10	5	6	4,38

				2	3,75		
4	2A.III.17	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	≥ 5	4	0	0
				2	3		
5	2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	≥ 5	3	≥ 5	3
				2	2		
6	2A.III.19	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m ² /người	≥ 2	3	17,86	3
				1,5	2		
III.3		Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị			11,5-15		14
1	2A.III.20	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	≥ 2	4	3	4
				1	3		
2	2A.III.21	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	≥ 35	3	37,79	3
				25	2		
3	2A.III.22	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m ² /người	≥ 7	3	9,18	3
				6	2,5		
4	2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã thực hiện quy chế từ 03 năm trở lên	5	Đã thực hiện trên 1 năm	4
				Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	4		

IV. ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRONG ĐÔ THỊ

4.1. Tiêu chí 1: Vai trò vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

4.1.1. Tỷ lệ tăng dân số

Tỷ lệ tăng dân số là tỷ lệ tăng dân số hằng năm phản ánh mức tăng, giảm do tăng tự nhiên và di cư thuần được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm. Năm 2025, tỷ lệ tăng dân số trung bình/ năm đạt: 1,95%. (Xem phụ lục biểu 1: Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Phụng Công).

Đánh giá tiêu chuẩn tỷ lệ tăng dân số đạt: 6,0/6,0 điểm.

4.1.2. Thu nhập bình quân đầu người

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định pháp lý về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đô thị, thu nhập bình quân đầu người là chỉ tiêu cốt lõi thuộc nhóm trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ tiêu này phản ánh thực chất chất lượng đời sống vật chất của cư dân, năng lực nội sinh của nền kinh tế địa phương và là điều kiện tiên quyết để đánh giá xem xét chuyển đổi mô hình quản lý hành chính từ nông thôn (xã) sang đô thị.

- Số liệu tính toán được thu thập, tổng hợp và thẩm định chính thức bởi cơ quan Thống kê chuyên ngành cấp tỉnh, đảm bảo tính pháp lý và độ chính xác quy chuẩn.

b. Hiện trạng phát triển kinh tế và thu nhập tại xã Phụng Công

- Trong những năm qua, tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Phụng Công nói riêng đã triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp chủ động nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế theo chiều sâu, dịch chuyển cơ cấu lao động và giải quyết việc làm bền vững cho người lao động.

- Chính quyền địa phương đã tập trung thực hiện các gói hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi, chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao, đầu tư xây dựng các mô hình kinh tế đô thị, kinh tế sinh thái và dịch vụ thương mại hiệu quả. Đồng thời, xã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn tổ chức chuỗi chương trình đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xúc tiến việc làm gắn liền với nhu cầu thực tế của thị trường bán lẻ, dịch vụ, quản lý đô thị (đặc biệt là chuỗi cung ứng dịch vụ tại Đại đô thị Ecopark và làng nghề hoa cây cảnh).

- Nhờ các chính sách kinh tế năng động, mức sống của người dân xã Phụng Công đã được cải thiện một cách vượt bậc:

- Thu nhập bình quân đầu người xã Phụng Công (năm 2025): Đạt 98,2 triệu đồng/người/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh Hưng Yên (năm 2025): Đạt 78,6 triệu đồng/người/năm.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn thành lập Phường

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung quy định về trình độ phát triển kinh tế - xã hội để thành lập phường thuộc đô thị loại III, tiêu chuẩn về thu nhập bình quân đầu người yêu cầu tối thiểu phải bằng hoặc cao hơn mức thu nhập bình quân đầu người toàn tỉnh trong cùng năm công bố dữ liệu (Khung điểm đánh giá tối đa là 6,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Với mức thu nhập thực tế đạt 98,2 triệu đồng/người/năm, cao hơn bình quân toàn tỉnh 19,6 triệu đồng (tương đương gấp 1,25 lần), xã Phụng Công đã khẳng định vị thế là một trong những địa phương có tiềm lực kinh tế và thu nhập của người dân dẫn đầu tỉnh Hưng Yên.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định cứng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đô thị loại III, xã Phụng Công không chỉ hoàn thành xuất sắc mà còn vượt xa phân khúc trần của tiêu chí thu nhập nhờ nền tảng đô thị hóa mạnh mẽ và mô hình kinh tế nông nghiệp - dịch vụ chất lượng cao.

- Đánh giá tiêu chuẩn Thu nhập bình quân đầu người của xã Phụng Công đánh giá đạt điểm tuyệt đối: **6,0 / 6,0 điểm**.

4.1.3. Tỷ lệ hộ nghèo

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều là chỉ tiêu quan trọng đánh giá mức độ đồng đều trong phát triển kinh tế, năng lực giảm nghèo bền vững và sự tiến bộ xã hội của một đô thị.

- Chỉ số này được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ nghèo được xác định theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới trên tổng số hộ dân thường trú và tạm trú quy đổi trên địa bàn. Việc điều tra, rà soát và phê duyệt kết quả phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quy định của Chính phủ và được thẩm định, công bố chính thức bởi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hàng năm.

b. Hiện trạng công tác an sinh xã hội và giảm nghèo tại xã Phụng Công

- Sự bùng nổ về mặt kinh tế từ hoạt động thương mại - dịch vụ ven đô kết hợp với hiệu quả kinh tế cực cao từ làng nghề hoa cây cảnh truyền thống đã tạo ra nền tảng tài chính vững chắc cho các hộ gia đình tại xã Phụng Công. Bên cạnh đó, chính quyền địa phương luôn đặt công tác an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững làm trọng tâm trong các kế hoạch phát triển dài hạn.

- Địa phương đã chủ động triển khai sâu rộng các chính sách hỗ trợ đa chiều bao gồm:

- Tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong canh tác hoa cây cảnh chất lượng cao.

- Kết nối việc làm cho người lao động tại các phân khu chức năng của Đại đô thị Ecopark.

- Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, chăm sóc y tế, giáo dục đối với các đối tượng yếu thế.

- Nhờ những giải pháp đồng bộ và quyết liệt, công tác giảm nghèo của địa phương đã đạt được kết quả tuyệt đối. Tính đến hết năm 2025, trên địa bàn xã Phụng Công không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều. Kết quả này đã được kiểm tra, thẩm định chuyên ngành và phê duyệt chính thức tại Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2025.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu đối với tiêu chuẩn tỷ lệ hộ nghèo đa chiều là phải dưới 5% mới đạt mức điểm sàn (3,5 điểm) và dưới 4% để đạt mức điểm tối đa (4,0 điểm).

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ hộ nghèo thực tế của xã Phụng Công đạt 0%, đáp ứng xuất sắc yêu cầu khắt khe nhất của khung tiêu chuẩn.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý về trình độ phát triển đô thị, xã Phụng Công đã xóa nghèo hoàn toàn, đạt tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở mức lý tưởng (0%). Kết quả này phản ánh sự chuyển chất toàn diện trong đời sống kinh tế của người dân, bảo đảm đô thị hóa không để ai bị bỏ lại phía sau, tạo tiền đề an sinh xã hội vững chắc cho việc phát triển đô thị.

- Theo thang điểm phân loại đô thị mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ hộ nghèo của xã Phụng Công đánh giá đạt điểm tối đa tuyệt đối: **4,0 / 4,0 điểm**.

Bảng 9: Tính điểm tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển Kinh tế - xã hội

QUY ĐỊNH					HIỆN TRẠNG	
Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chuẩn, tiêu chí đạt	Điểm
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	$\geq 1,4$	5	1,95	6
			1	3,5		
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	$\geq 1,2$	6	1,25	6
			1	4,5		
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0	4
			5	3,5		

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 15/15 điểm.**

4.2. Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa

4.2.1. Mật độ dân số đô thị trên diện tích đất xây dựng đô thị

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị là chỉ tiêu cốt lõi phản ánh mức độ tập trung dân cư, hiệu quả khai thác sử dụng quỹ đất và trình độ đô thị hóa thực chất của không gian nội đô.

- Chỉ số này được xác định bằng tỷ lệ giữa quy mô dân số toàn đô thị (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) trên tổng diện tích đất xây dựng đô thị (quỹ đất đã và đang được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu chức năng đô thị, không tính diện tích đất nông nghiệp, mặt nước tự nhiên và đất dự phòng chưa khai thác).

$$D_1 = \frac{P}{S_1}$$

Trong đó:

D_1 : Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị (người/km²);

P: Quy mô dân số đô thị (người);

S_1 : Diện tích đất xây dựng đô thị (km²) là đất hiện trạng đã được đầu tư xây dựng các khu chức năng đô thị (gồm cả hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị) bao gồm đất xây dựng các công trình phục vụ các hoạt động dân dụng và đất xây dựng công trình ngoài dân dụng.

b. Hiện trạng thực tế tại xã Phụng Công

- Sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của đại đô thị sinh thái kiểu mẫu Ecopark cùng các dự án chỉnh trang, mở rộng không gian lõi dân cư truyền thống đã biến xã Phụng Công trở thành một trung tâm thu hút dân cư cơ học rất lớn của khu vực. Quá trình chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất từ nông nghiệp thuần túy sang đất hạ tầng đô thị tại địa phương diễn ra với tốc độ nhanh chóng và đồng bộ.

- Theo số liệu thống kê hiện trạng quy hoạch đô thị mới nhất:
- Diện tích đất xây dựng đô thị Đạt 784,96 ha.
- Quy mô dân số toàn đô thị Đạt 45.327 người (bao gồm cả lực lượng cư dân đô thị mới, lao động và chuyên gia tạm trú dài hạn trên địa bàn).
- Áp dụng công thức nêu trên, xác định mật độ dân số thực tế tính trên diện tích đất xây dựng đô thị của xã Phụng Công đạt 5.774,43 người/km²
- Mức mật độ này phản ánh một hình thái đô thị phát triển nén rất khoa học: vừa đạt được độ tập trung dân cư cao để tối ưu hóa hiệu quả của hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước, viễn thông), vừa đảm bảo không gian mở cho cảnh quan sinh thái, tránh tình trạng quá tải cục bộ.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại và thành lập phường thuộc đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị tối thiểu phải đạt từ 4.000 người/km² trở lên (Khung điểm đánh giá từ 8,0 đến 10,0 điểm).
- Kết quả đối chiếu thực tế: Chỉ số thực tế của xã Phụng Công đạt 5.774,43 người/km², vượt qua mức sàn yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý hành chính, chỉ tiêu mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị của xã Phụng Công đã đáp ứng tốt yêu cầu

quy chuẩn đô thị loại III. Kết quả này cho thấy địa phương đang sở hữu một cấu trúc dân cư và đất đai cân bằng, có dư địa hợp lý để tiếp tục dung nạp dân số cơ học trong các giai đoạn phát triển tiếp theo mà không gây áp lực cực đoan lên hệ thống an sinh xã hội.

- Theo phương pháp chấm điểm của thang điểm mới, tiêu chuẩn mật độ dân số đô thị trên diện tích đất đô thị của xã Phụng Công đạt điểm số rất cao: **9,77 / 10,0 điểm**.

4.2.2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định

- Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, chỉ tiêu này là thước đo quan trọng đánh giá mức độ thực hiện quy hoạch, tốc độ phát triển hạ tầng thực tế và năng lực giải phóng nguồn lực đất đai của địa phương. Chỉ số này cho thấy không gian đô thị hiện hữu đã bám sát và hiện thực hóa được bao nhiêu phần trăm so với kịch bản phát triển dài hạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tránh tình trạng "quy hoạch treo" hoặc phát triển tự phát ngoài tầm kiểm soát.

- Chỉ số được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa diện tích đất xây dựng đô thị thực tế tại thời điểm kiểm kê so với diện tích đất được định hướng xây dựng đô thị trong đồ án quy hoạch chung/quy hoạch phân khu.

b. Hiện trạng thực tế và kết quả tính toán tại xã Phụng Công

- Nhờ tốc độ đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, đồng bộ cùng sự phối hợp hiệu quả giữa chính quyền địa phương và các chủ đầu tư dự án lớn (đặc biệt là tiến độ hoàn thiện thần tốc của các phân khu thuộc Đại đô thị Ecopark), diện tích đất xây dựng thực tế của xã Phụng Công tăng trưởng vô cùng ấn tượng và có độ khấp dịch vụ rất cao so với quy hoạch phân khu.

- Căn cứ vào dữ liệu kiểm kê đất đai mới nhất:

- Diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng đạt 784,96 ha (bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu nhà ở và khu chức năng đô thị đã đưa vào vận hành).

- Diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch được phê duyệt là 1.128,25 ha (theo các đồ án quy hoạch phân khu D1, E2, E4 hiện hành).

- Áp dụng công thức quy chuẩn, tỷ lệ hiện thực hóa không gian xây dựng đô thị của xã Phụng Công được xác định cụ thể: **69,57 %**

(Chi tiết cơ cấu các loại đất xem tại Phụ lục Biểu 2: Thống kê cơ cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn xã Phụng Công).

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Quy định tiêu chuẩn: Theo khung chỉ tiêu phân loại và đánh giá trình độ phát triển hạ tầng đô thị loại III tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, yêu cầu về tỷ lệ đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch phải đạt tỷ lệ lấp đầy cao và bền vững (thông thường mức trên 75% tùy loại đô thị đã được xếp vào nhóm tối đa nhằm khuyến khích các đô thị phát triển thực chất, không vẽ quy hoạch quá rộng so với năng lực thực hiện). Khung điểm đánh giá tối đa cho chỉ tiêu này là 6,0 điểm.

- Kết quả đối chiếu thực tế: Tỷ lệ thực tế của xã Phụng Công đạt 69,57%.

- Kết luận: Đối chiếu với các quy định pháp lý, chỉ tiêu tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch của xã Phụng Công đạt kết quả tốt. Điều này khẳng định năng lực điều hành, quản lý trật tự xây dựng và thu hút đầu tư hạ tầng của địa phương rất hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc để vận hành một đô thị tinh gọn, hiệu năng cao trong tương lai gần.

- Theo thang điểm phân loại mới nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiêu chuẩn Tỷ lệ diện tích đất xây dựng hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch của xã Phụng Công đánh giá đạt điểm gần tuyệt đối: **5,67 / 6,0 điểm.**

4.2.3. Tỷ trọng Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ

a. Cơ sở pháp lý và phương pháp xác định:

- Theo quy định về đánh giá trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, chỉ tiêu này nhằm đo lường mức độ hoàn thành và tính nghiêm túc trong việc thực hiện kế hoạch chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của địa phương.

- Chương trình tính điểm quy định rõ: Khi chỉ số thực tế hoàn thành trùng khớp với mục tiêu đề ra sẽ đạt mức điểm sàn/tối thiểu; trường hợp chỉ số thực tế vượt từ 4% trở lên so với mục tiêu sẽ được chấm điểm tối đa (4,0 điểm). Các mức hoàn thành tiệm cận được tính điểm phân tán theo bậc thang tương ứng.

b. Hiện trạng cơ cấu và thực tế tăng trưởng tại xã Phụng Công:

- Nền kinh tế xã Phụng Công mang một hình thái vô cùng đặc thù và là mô hình nông nghiệp đô thị kiểu mẫu của tỉnh Hưng Yên. Khác với các địa phương khác dịch chuyển cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa thuần túy, Phụng Công tập trung phát triển mạnh mẽ hai mũi nhọn: kinh tế dịch vụ - thương mại (gắn với đại

đô thị Ecopark) và kinh tế nông nghiệp sinh thái công nghệ cao (thủ phủ hoa, cây cảnh chất lượng cao). Do giá trị kinh tế từ ngành trồng và kinh doanh hoa cây cảnh quá lớn, chiếm tỷ trọng ưu thế trong tổng giá trị sản xuất, nên tỷ trọng của khối ngành Công nghiệp - Xây dựng - Dịch vụ có đặc thù giữ ở mức vừa phải nhưng dịch chuyển rất bền vững.

- Căn cứ vào Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phụng Công:

- Mục tiêu kế hoạch đề ra năm 2025: Tỷ trọng ngành Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ đạt 13,6%.

- Kết quả thực hiện thực tế năm 2025: Tỷ trọng khối ngành này dịch chuyển đúng hướng, đạt chính xác 13,6% tổng giá trị sản xuất toàn xã, hoàn thành đạt 100% so với mục tiêu đặt ra.

- Mặc dù tốc độ phát triển của ngành dịch vụ nội khu đô thị và xây dựng dân dụng trên địa bàn tăng trưởng rất nhanh (đặc biệt là dịch vụ logistics, thương mại bán lẻ, chăm sóc cảnh quan), nhưng do ngành nông nghiệp hoa cây cảnh truyền thống cũng có sự bứt phá mạnh mẽ về giá trị, nên cơ cấu tổng thể đạt trạng thái cân bằng tuyệt đối so với kịch bản dự báo của địa phương.

c. Đối chiếu, đánh giá theo tiêu chuẩn Đô thị loại III (Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15)

- Đối chiếu với quy chế chấm điểm của khung tiêu chuẩn mới, mặc dù địa phương không có chỉ số vượt trần để lấy điểm tuyệt đối (do ngành hoa cây cảnh giữ nhịp tăng trưởng quá tốt làm cân bằng tỷ trọng cơ cấu), nhưng việc hoàn thành đạt 100% mục tiêu trong bối cảnh chịu tác động mạnh từ sáp nhập địa giới và giải phóng mặt bằng là một nỗ lực rất lớn của hệ thống chính trị.

- Theo phương pháp tính điểm áp dụng cho đô thị loại III, tiêu chuẩn tỷ trọng Công nghiệp – Xây dựng – Dịch vụ của xã Phụng Công đánh giá đạt điểm tối thiểu: **3,0 / 4,0 điểm**.

Bảng 10: Tính điểm tiêu chí mức độ đô thị hóa

QUY ĐỊNH				HIỆN TRẠNG		
Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm
	Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa			15,5-20		17,99
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ²	≥ 6.000	10	5.774,43	9,77
			4.000	8		
			> 25.000			
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo	%	≥ 75	6	69,57	5,67
			50	4,5		

	quy hoạch đô thị					
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Đạt mục tiêu đề ra	3,0
			Đạt mục tiêu đề ra	3		

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí mức độ đô thị hóa đạt: 18,45/20 điểm.**

4.3. Tiêu chí 3: Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

4.3.1. Nhóm tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật

4.3.1.1. Giao thông

a). Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị

Theo quy định: Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa diện tích đất giao thông đô thị và diện tích đất xây dựng đô thị.

$$\text{Công thức tính: } A = \frac{B}{S1} \times 100$$

Trong đó:

A: Tỷ lệ diện tích đất giao thông so với đất xây dựng đô thị (%);

B: Diện tích đất giao thông đô thị (km²);

S1: Diện tích đất xây dựng đô thị (km²);

Tổng diện tích đất giao thông đô thị là 149 km², bao gồm diện tích đường đô thị, công trình đầu mối giao thông, diện tích đường giao thông đối ngoại và diện tích bến, bãi đỗ xe trên địa bàn đô thị. Diện tích đất xây dựng đô thị là 784,96km². Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt 18,99%.

Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

b). Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Theo quy định: Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người được tính bằng diện tích đất giao thông đô thị trên tổng dân số đô thị. Công thức tính:

$$I = \frac{B}{T}$$

I. Diện tích đất giao thông đô thị bình quân (m²/người);

B: Diện tích đất giao thông đô thị (m^2);

T: Tổng dân số đô thị (người)

Diện tích đất giao thông đô thị/dân số đô thị đạt $32,89m^2/\text{người}$, được tính bằng $1.490.000m^2$ đất giao thông đô thị/45.327 dân số đô thị.

Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

c). Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

Theo quy định: Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính là tỷ lệ phần trăm (%) giữa các đoạn đường tính từ đường khu vực trở lên được ngầm hóa đường dây, cáp trên tổng chiều dài đường từ đường khu vực trở lên.

Chiều dài đường dây, đường cáp được ngầm hóa trên tuyến đường khu vực trở lên là 70.731 m. Tổng chiều dài tuyến đường khu vực trở lên là 101.369 km. Do đó, tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính đạt 69,7%.

Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí giao thông đạt: 8,88 điểm.**

4.3.1.2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a). Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

Theo quy định: Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người được tính bằng tổng số lít nước sạch sinh hoạt sử dụng trung bình trong 01 ngày đêm trên tổng dân số đô thị.

Năm 2025, tổng số lít nước sạch sinh hoạt sử dụng trung bình trong 01 ngày đêm trên địa bàn là 5.756.529 lít/ng.đ. Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người là 127 lít/người/ngày đêm

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b). Thoát nước chống ngập úng đô thị

Theo quy định: Thoát nước chống ngập úng đô thị được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng điểm ngập úng (điểm ngập úng là điểm có một trong ba yếu tố sau: có thời gian ngập úng ≥ 01 giờ sau khi dứt mưa hoặc có diện tích ngập $\geq 4.000m^2$ hoặc độ sâu ngập $\geq 0,3m$) được khắc phục trên tổng số điểm ngập úng trên địa bàn trong năm.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

c). Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Theo quy định: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa dân số được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật trên tổng dân số đô thị. Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật là 100%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 6,0 điểm.**

4.3.1.3. Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị

a). Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Theo quy định: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đã được thu gom trên tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát thải.

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đạt 98,5%.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b). Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt 80%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c). Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Theo quy định: Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số trường hợp sử dụng hình thức hỏa táng hoặc các hình thức táng hiện đại khác trên tổng số ca tử trần.

Căn cứ số liệu điều tra tại phụ lục bảng biểu 9: thống kê khối lượng nước thải, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý, xác định tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 100%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị đạt: 4,0/4,0 điểm.**

4.3.1.4. Cấp điện và chiếu sáng công cộng

a). Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Theo quy định: Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người được tính bằng bình quân tổng công suất sử dụng điện sinh hoạt trong năm trên tổng dân số đô thị.

Tổng công suất sử dụng điện sinh hoạt đạt 54.774.568 triệu Kwh/năm. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 1.208 Kwh/người/năm.

Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

b). Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Theo quy định: Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng chiều dài các đoạn đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng trên tổng chiều dài tuyến đường cấp khu vực, cấp nội bộ trên địa bàn.

Năm 2025, tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng là 100%.

Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

c). Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Năm 2025, đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh, chiếm tỷ lệ 15%.

Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

4.3.1.5. Hạ tầng viễn thông

Theo quy định: Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định trên tổng số hộ gia đình.

Năm 2025, khu vực xã Phụng Công có 10.189 hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định, tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã là 11.197 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 91%.

Đánh giá đạt 1,78/2,0 điểm.

*** Kết quả đánh giá tổng tiêu chí về Hạ tầng kỹ thuật đạt: 24,53 điểm.**

4.3.2. Nhóm tiêu chuẩn hạ tầng xã hội

4.3.2.1. Nhà ở

a. Hiện trạng quỹ đất và cấu trúc phát triển không gian cư trú

Diện tích đất ở hiện trạng đạt 262,27 ha. Quỹ đất phân bổ tập trung dọc các trục giao thông chính (như ĐT 379B), các trục liên xã và lõi dân cư hiện hữu.

Không gian ở có sự bứt phá mạnh mẽ, dịch chuyển từ mô hình làng xã truyền thống sang cấu trúc đô thị sinh thái hiện đại. Sự hình thành và vận hành của

Khu đô thị sinh thái Ecopark đóng vai trò là động lực cốt lõi, giúp nâng cao chất lượng hạ tầng và thu hút làn sóng dịch chuyển dân cư dịch vụ chất lượng cao của toàn vùng Thủ đô.



Toàn cảnh Khu đô thị sinh thái Ecopark

Hệ thống nhà ở trên địa bàn xã Phụng Công phát triển đồng bộ, khang trang và văn minh. Chỉ tiêu chất lượng nhà ở đạt mức tuyệt đối (100% kiên cố), phản ánh chất lượng đời sống cao của cư dân và đáp ứng xuất sắc các quy định cứng về tiêu chuẩn phát triển nhà ở đối với đô thị.

- *Diện tích nhà ở bình quân đầu người:* Theo quy định: Diện tích nhà ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích sàn nhà ở trên tổng dân số. Công thức tính: $I = B / T$ Trong đó:

I: Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m^2 sàn/người);

B: Tổng diện tích sàn nhà ở (m^2);

T: Tổng dân số (người).

Diện tích nhà ở bình quân đầu người xã Phụng Công đạt $34 m^2$ sàn/người, được tính bằng tổng diện tích sàn nhà ở $1.541.118 m^2 / 45.327$ dân số.

Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt $\geq 32 m^2$ sàn/người được 4 điểm; đạt $28 m^2$ sàn/người được 3 điểm).

- *Nhà ở xã hội:* Theo quy định: Tiêu chí nhà ở xã hội được đánh giá dựa trên số lượng dự án nhà ở xã hội đã đưa vào sử dụng hoặc đang xây dựng trên địa bàn. Trên địa bàn hiện có 1 dự án nhà ở xã hội đang có chủ trương đầu tư.

Đánh giá đạt 1,5 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 1 dự án được 2 điểm;

Đang xây dựng được 1,5 điểm).

4.3.2.2. Công trình công cộng

- *Đất dân dụng bình quân đầu người:* Theo quy định: Đất dân dụng bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất dân dụng trên tổng dân số. Công thức tính: $I = B / T$ Trong đó:

I: Đất dân dụng bình quân đầu người ($m^2/người$);

B: Tổng diện tích đất dân dụng (m^2);

T: Tổng dân số (người).

Đất dân dụng bình quân đầu người xã Phụng Công đạt $152 m^2/người$, được tính bằng Tổng diện tích đất dân dụng $6.872.000 m^2 / 45.327$ dân số.

Đánh giá đạt 0,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt 50 đến $110 m^2/người$ được 3 điểm; $< 50 m^2/người$ được 2 điểm; $> 110 m^2/người$ được 0 điểm).

- *Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người:* Theo quy định: Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở trên tổng dân số.

Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người xã Nghĩa Trụ đạt $19,11 m^2/người$, được tính bằng $86,61 ha$ đất đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng / 45.327 dân số.

Đánh giá đạt 4,0 / 4,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt $\geq 4,0 m^2/người$ được 4 điểm; đạt $3,0 m^2/người$ được 3 điểm).

- *Số trường công lập đạt chuẩn:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tỷ lệ phần trăm các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia.

Hiện nay, tỷ lệ trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn xã 100% đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và 2.

Đánh giá đạt 3,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt 80% mức 1 trở lên và ít nhất 20% mức 2 được 3 điểm; Đạt 60% mức 1 trở lên được 2,5 điểm).

- *Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống trường tiểu học công lập so với quy mô dân số trên địa bàn. Hiện tại, mạng lưới trường tiểu học công lập trên địa bàn xã Phụng Công đang đáp ứng tỷ lệ 01 trường / 15,1 nghìn người.

Đánh giá đạt 0,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đáp ứng 01 trường/6.000 người được 3 điểm; Đáp ứng 01 trường/8.000 người được 2,5 điểm).

- *Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân:* Theo quy định: Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở bình quân tính trên người đạt 2,65 m²/người, được tính bằng 120.334,9 m² đất / 45.327 dân số.

Đánh giá đạt 3,0/ 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt $\geq 2,0$ m²/người được 3 điểm; đạt 1,8 m²/người được 2 điểm).

- *Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân:* Theo quy định: Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) bình quân được tính trên tổng dân số. Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao bình quân xã Phụng Công đạt 9,53 m²/người.

Đánh giá đạt 3,0 / 3,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt $\geq 1,5$ m²/người được 3 điểm; đạt 1,0 m²/người được 2 điểm).

4.3.3. Nhóm tiêu chuẩn không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

4.3.3.1. Không gian đô thị

- *Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người:* Theo quy định: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên tổng dân số. Công thức tính: $I = B / T$

Trong đó:

I: Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người (m²/người);

B: Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng (m²);

T: Tổng dân số (người).

Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt trên 3 m²/người.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt ≥ 3 m²/người được 2 điểm; đạt 2 m²/người được 1,5 điểm).

- *Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m² trở lên:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các khu không gian xanh công cộng (công viên, vườn hoa, quảng trường...) có quy mô diện tích từ 2.000 m² trở lên hiện có trên địa bàn. Hiện nay, trên địa bàn xã Phụng Công có 5 khu không gian xanh công cộng đạt quy mô từ 2.000 m² trở lên.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 5 khu được 2 điểm; có 1 khu được 1,5 điểm).

4.3.3.2. Kiến trúc, cảnh quan đô thị

- *Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị:* Theo quy định: Tỷ lệ tuyến phố văn minh

đô thị là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số tuyến phố (hoặc chiều dài tuyến phố) được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị trên tổng số tuyến phố (hoặc tổng chiều dài) của đô thị.

Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị đạt 79%.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Đạt $\geq 40\%$ được 2 điểm; đạt 20% được 1,5 điểm).

- *Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên tổng số lượng các công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, công nhận và đang được thực hiện công tác bảo vệ, gìn giữ, tôn tạo trên địa bàn.

Hiện nay, trên địa bàn có 4 công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ.

Đánh giá đạt 1,0 / 1,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 3 công trình được 1 điểm; có 1 công trình được 0,75 điểm).

- *Công trình xanh:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên số lượng các công trình trên địa bàn đã được đánh giá và cấp chứng nhận là "Công trình xanh" (đáp ứng các tiêu chuẩn về sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và thân thiện với môi trường).

Hiện nay, trên địa bàn có 3 công trình xanh như toà tháp Grand Park Premium, Aqua Bay, Trust City...

Đánh giá đạt 1,0 / 1,0 điểm. (Ghi chú đối chiếu: Có ≥ 2 công trình được 1 điểm; có 1 công trình được 0,75 điểm).

4.3.3.3. Quản trị đô thị

- *Kế hoạch phát triển đô thị:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá việc địa phương đã lập, phê duyệt và ban hành Kế hoạch phát triển đô thị hay chưa, làm cơ sở để đầu tư và quản lý phát triển đô thị.

Hiện nay, địa phương đã có hành Kế hoạch phát triển đô thị.

Đánh giá đạt 0,5/ 1,0 điểm.

- *Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình:* Theo quy định: Tỷ lệ này được tính bằng phần trăm (%) giữa số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận trong kỳ đánh giá.

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 54,2%.

Đánh giá đạt 1,88 / 2,0 điểm.

- *Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch:* Theo quy định: Tiêu chí được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số lượng (hoặc chiều dài) các tuyến phố chính đã được cải tạo, chỉnh trang hoàn thành trong thực tế so với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.

Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch đạt 100%.

Đánh giá đạt 1,0 / 1,0 điểm.

- *Quản lý phát triển đô thị thông minh:* Theo quy định: Tiêu chí này đánh giá mức độ triển khai các đề án, dự án hoặc hạng mục thuộc chương trình phát triển đô thị thông minh (ví dụ: Trung tâm điều hành thông minh IOC, hệ thống camera giám sát an ninh giao thông, ứng dụng công dân số...).

Hiện nay, trong công tác quản lý phát triển đô thị thông minh, địa phương đã có lộ trình nâng cao năng lực quản trị hành chính đô thị và chuyển đổi số (áp dụng mô hình dữ liệu dân cư quốc gia). Khu đô thị Ecopark vận hành theo mô hình đô thị sinh thái - thông minh..

Đánh giá đạt 1,0 / 1,0 điểm.

- *Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị:* Theo quy định: Tiêu chí này được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cung cấp dịch vụ công trên địa bàn.

Qua khảo sát, mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị đạt 99,98%.

Đánh giá đạt 2,0 / 2,0 điểm.

4.4. Tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá trình độ phát triển đô thị

Từ những đánh giá trên, đô thị đã đạt được những trình độ tương ứng trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và kết cấu hạ tầng đô thị. Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị: Trong 37 tiêu chuẩn, đánh giá tính điểm có:

- 27 tiêu chuẩn đạt ngưỡng tối đa
- 4 tiêu chuẩn đạt mức khá
- 4 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu
- 2 Tiêu chuẩn chưa đạt điểm

Kết quả đánh giá, tính điểm trình độ phát triển đô thị khu vực xã Phụng Công theo 3 nhóm tiêu chí đạt được 91,36 điểm, tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 11: Tổng hợp kết quả tính điểm

STT	Các tiêu chí đánh giá	Thang điểm Tối đa – tối thiểu	Điểm
I	Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội	11,5-15	15
II	Tiêu chí mức độ đô thị hoá	15,5-20	18,45
III	Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị	48-65	57,91
	Tổng cộng toàn đô thị		91,36

Bảng 12: Chi tiết đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn trình độ phát triển theo tiêu chí đô thị loại III xã Phụng Công

QUY ĐỊNH						HIỆN TRẠNG	
Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Mức quy định đối với đô thị loại III	Điểm	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm
		TỔNG					91,36
I		TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI			11,5-15		15,00
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	$\geq 1,4$ 1	5 3,5	1,95	5,00
2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	$\geq 1,2$ 1	6 4,5	1,25	6,00
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4 5	4 3,5	0	4,00
		Điểm cộng					
-		Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, từ tương hợp phát triển theo mô hình TOD)				-	-
-		Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn				-	-
-		Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên				-	-
II		TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA			15,5-20		18,45
1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ²	≥ 6.000 4.000 > 25.000	10 8	5.774,43	9,77
2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	≥ 75 50	6 4,5	69,57	5,67
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	Vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên Đạt mục tiêu đề ra	4 3	đạt mục tiêu đề ra	3,00
III		TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ			48-65		57,91
III.1		Về hạ tầng kỹ thuật			18,5		24,53

					25		
3.1.1		Giao thông			6,5-9		9,00
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	≥17 12	3 2	18,99	3,00
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m ² /người	≥9 7	3 2	32,89	3,00
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	≥50 40	3 2,5	69,70	3,00
		Điểm cộng				-	-
-		Có hệ thống giao thông ngầm				-	-
-		Có kế hoạch và triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu giảm phát thải khí nhà kính				-	-
-		Có tuyến đường dành riêng cho xe đạp				-	-
		100% tuyến đường chính có giao thông công cộng				-	-
3.1.2		Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải			4,5-6		6,00
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lit/người/ngày đêm	100 80	2 1,5	127	2,00
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	≥50 25	2 1,5	75	2,00
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥35 20	2 1,5	100	2,00
		Điểm cộng				-	-
-		Có giải pháp giảm tác động ngập lụt: xây dựng hồ điều hòa, thành phố bọt biển,...				-	-
-		Có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi				-	-
-		Có trạm xử lý nước thải trên địa bàn				-	-
3.1.3		Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị			3-4		4,00
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥90 80	2 1,5	98,50	2,00
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	≥75 50	1 0,75	80	1,00
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥15 5	1 0,75	100	1,00
		Điểm cộng				-	-
-		Có kế hoạch hình thành vùng phát thải thấp				-	-
-		Tỷ lệ số ngày trong năm có chất lượng không khí đạt mức tiêu chuẩn ≥95 %				-	-
3.1.4		Cấp điện và chiếu sáng công cộng			3-4		3,75
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	≥1.000 400	2 1,5	1.208	2,00
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	≥95 80	1 0,75	100	1,00
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	≥50 15	1 0,75	15	0,75
3.1.5		Hạ tầng viễn thông			1,5-2		1,78
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100 80	2 1,5	91	1,78
		Điểm cộng					
-		Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)				-	-
-		Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80%				-	-

		trở lên					
III.2		Về hạ tầng xã hội			18,5-25		19,00
3.2.1		Nhà ở			4,5-6		5,50
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² /sản/người	≥ 32	4	34	4,00
				28	3		
2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 1	2	đang triển khai	1,50
				Đang xây dựng	1,5		
		Điểm cộng				-	-
-		Đang triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu là 4.000 người)				-	-
3.2.2		Công trình công cộng			14-19		13,50
1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m ² /người	50 đến 110	3	152	0,00
				< 50	2		
				> 110	0		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m ² /người	≥ 4,0	4	19,11	4,00
				3	3		
3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	100	3,00
				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	3	15109	0,00
				Đáp ứng 01 trường/8.000 người	2,5		
5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m ² /người	≥ 2,0	3	2,65	3,00
				1,8	2		
6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m ² /người	≥ 1,5	3	9,53	3,00
				1	2		
		Điểm cộng					
-		100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên				100,00	0,50
-		Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
III.3		Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị			11-15		14,38
3.3.1		Không gian đô thị			3-4		4,00

1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m ² /người	≥3 2	2 1,5	≥3	2,00
2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m ² trở lên	Số khu	≥5 1	2 1,5	5	2,00
		Điểm cộng					
-		Không gian xanh công cộng được xây dựng trên cao				-	-
-		Nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn tại các khu vực, không gian công cộng				có nhà vệ sinh công cộng	-
3.3.2		Kiến trúc, cảnh quan đô thị			3-4		4,00
1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	≥40 20	2 1,5	79	2,00
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	≥3 1	1 0,75	4	1,00
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	≥2 1	1 0,75	3	1,00
		Điểm cộng					
-		Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị				-	-
-		Có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị				-	-
-		Có công trình kiến trúc, dự án khu nhà ở, khu đô thị đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế				Đại đô thị sinh thái Ecopark (~500 ha) với triết lý thiết kế cuộc sống xanh, thông minh, sinh thái cùng các tổ hợp trường đại học quốc tế chất lượng cao kiên cố (BUV, Tokyo).	-
-		Có di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa vật thể, các khu vực có giá trị văn hóa lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ				Có tổng số 24 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (trong đó có 04 cơ sở xếp hạng cấp Quốc gia, 01 cấp Tỉnh). Duy trì HTX hoa cây cảnh và phương án cấp nhãn hiệu tập thể làng nghề gắn với bảo vệ môi trường.	-
-		Có dự án tái sử dụng công trình có giá trị kiến trúc công nghiệp				Trụ sở UBND xã hiện trạng được chuyển tiếp nguyên trạng, cải tạo nâng cấp đồng bộ công năng để làm trụ sở chính thức cho Phường mới.	-
3.3.3		Quản trị đô thị			5-7		6,38
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥03 năm Có kế hoạch	1 0,5	Có kế hoạch	0,50
2	2B.III.34	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	≥60 35	2 1,5	54,20	1,88
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100 75	1 0,75	100	1,00
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	1 0,75	1	1,00

5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	≥95	2	99,98	2,00
				90	1,5		
		Điểm cộng					
		Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất				-	-
		Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất				-	-

V. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÔ THỊ TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

5.1. Quan điểm triển khai kế hoạch

Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị xã Phụng Công trong giai đoạn tiếp theo được xây dựng và thực thi dựa trên các quan điểm chỉ đạo xuyên suốt sau:

1. Tuân thủ tuyệt đối quy hoạch, phát triển đô thị có kỷ cương

Phát triển không gian và hạ tầng đô thị phải bám sát tinh thần Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 (Quyết định số 86/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) và các quy hoạch phân khu (D1, E2, E4) đã được phê duyệt. Kiên quyết quản lý đô thị bằng pháp luật và công cụ quy hoạch; chấm dứt hoàn toàn tình trạng xây dựng tự phát hoặc điều chỉnh quy hoạch cục bộ làm phá vỡ cấu trúc không gian xanh - thông minh đã định hình.

2. Phát triển đô thị nén sinh thái: Hòa hòa giữa hiện đại và bảo tồn bản sắc

Đô thị hóa tại Phụng Công không đồng nghĩa với việc xóa bỏ quá khứ để xây dựng các khối bê tông vô cảm.

Hiện đại hóa: Khai thác tối đa hiệu năng của các dự án đại đô thị hiện hữu (Ecopark, Trust City, Vaquarius) để làm đòn bẩy nâng cấp hạ tầng toàn diện.

Bảo tồn bản sắc: Giữ gìn và tích hợp cấu trúc làng cổ, không gian kinh tế làng nghề hoa - cây cảnh truyền thống (Xuân Quan, Phụng Công cũ) vào lòng đô thị, biến các dải đất canh tác cũ thành các vành đai đệm sinh thái xanh, bảo đảm tỷ lệ phủ xanh toàn xã đạt trên 35%.

3. Lấy chất lượng sống của người dân làm thước đo; hạ tầng đi trước một bước

Mục tiêu cuối cùng của việc nâng cấp đô thị là phục vụ con người. Kế hoạch ưu tiên phân bổ nguồn lực để "tiệm cận hóa" chất lượng hạ tầng, đưa các dịch vụ tiện ích đô thị (nước sạch, điện ngầm, thoát nước độc lập, chiếu sáng, an ninh) vào sâu trong các lõi khu dân cư cũ. Phát triển đô thị phải đi đôi với an sinh xã hội, bảo đảm duy trì bền vững chỉ tiêu 0% hộ nghèo đa chiều và nâng cao năng lực thụ hưởng các thiết chế văn hóa, giáo dục quốc tế trên địa bàn cho nhân dân.

4. Khớp nối, đồng bộ toàn diện không gian sau sáp nhập

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, xóa bỏ tư duy quản lý manh mún, địa giới cũ. Nhìn nhận và quản lý xã Phụng Công mới như một chỉnh thể đô thị thống nhất rộng 14,61 km². Tập trung nguồn lực xử lý dứt điểm các "điểm nghẽn" về khớp nối giao thông, bến bãi logistics và xử lý môi trường tại vùng giáp ranh giữa các xã cũ, tạo mạch dòng chảy kinh tế thông suốt từ vùng bãi ra các trục đối ngoại quốc gia.

5. Đột phá bằng công nghệ số và đa dạng hóa nguồn lực xã hội hóa

Xây dựng mô hình "Chính quyền đô thị" hiện đại dựa trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý hành chính công và trật tự xây dựng. Về nguồn lực, quán triệt quan điểm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, doanh nghiệp đồng hành". Ngân sách nhà nước đóng vai trò "vốn mồi" tập trung cho hạ tầng khung cốt lõi; đồng thời kích hoạt tối đa nguồn lực xã hội hóa từ các tập đoàn kinh tế đang đứng chân trên địa bàn và nguồn lực tài chính mạnh mẽ trong nhân dân để chỉnh trang đô thị.

Slogan xuyên suốt: "Phát triển nén để tối ưu hiệu quả hạ tầng – Giữ dải xanh để bảo vệ môi trường – Phát huy làng nghề để làm giàu bền vững – Ứng dụng công nghệ để quản trị thông minh."

5.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

5.2.1. Mục tiêu tổng quát

Khắc phục các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III. Xây dựng và phát triển xã Phụng Công chuyển đổi thành công mô hình "Chính quyền đô thị" (Phường), trở thành hạt nhân động lực phát triển kinh tế - xã hội phía Tây Bắc của tỉnh Hưng Yên. Tập trung nguồn lực để khớp nối đồng bộ hạ tầng giữa các khu đô thị mới hiện đại và khu dân cư, làng nghề truyền thống; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đô thị nén: Đô thị - Dịch vụ - Thương mại - Du lịch; gắn phát triển kinh tế với an sinh xã hội bền vững và bảo tồn cảnh quan sinh thái đặc trưng.

5.2.2. Chỉ tiêu cụ thể nâng cao chất lượng đô thị

- Ban hành và áp dụng 100% Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị
- Đạt 100% diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch
- 100% trục đường liên thôn được nhựa hóa, có vỉa hè và camera giám sát
- 100% nước thải sinh hoạt khu dân cư cũ được thu gom, xử lý độc lập
- 100% nhà văn hóa Tổ dân phố đạt chuẩn đô loại III
- Đạt trên 130 triệu đồng/người/năm
- Duy trì bền vững 0% hộ nghèo và cận nghèo đa chiều

5.3. Kế hoạch và giải pháp triển khai

➤ Hoàn thiện quy hoạch, thể chế và công cụ quản lý kiến trúc đô thị: Tích hợp quy định quản lý của các đồ án quy hoạch phân khu D1, E2, E4 hiện hành thành một bộ Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị Phụng Công thống nhất. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và Sở Xây dựng hoàn thiện hồ sơ pháp lý, trình UBND tỉnh phê duyệt ngay trong năm kỳ kế hoạch đầu tiên. Định hình rõ nét các phân khu

chức năng, kiểm soát chặt chẽ chỉ giới, cốt nền xây dựng, nâng điểm tiêu chuẩn Quy chế quản lý kiến trúc lên mức điểm tuyệt đối (5,0/5,0 điểm).

➤ **Đột phá hạ tầng kỹ thuật khung và giải quyết xung đột giao thông:**

Đầu tư quỹ đất quy hoạch: Tập trung giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư để hoàn thiện nốt 7,83% quỹ đất quy hoạch còn lại (khoảng 81,87 ha), ưu tiên bố trí cho các công trình hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng tiện ích.

Xử lý điểm nghẽn giao thông bến bãi: Đầu tư nâng cấp, mở rộng và thảm nhựa hóa các trục giao thông kết nối từ vùng sản xuất hoa cây cảnh chuyên canh (Xuân Quan, Phụng Công cũ) ra các trục lộ đối ngoại lớn như ĐT.379, ĐT.379B và ĐT.378.

Ứng dụng giải pháp thông minh: Thiết lập hệ thống camera giám sát giao thông thông minh tại các nút giao trọng điểm, điều hướng phân luồng xe tải trọng lớn vào các khung giờ cao điểm lễ Tết để chấm dứt tình trạng ùn ứ cục bộ.

➤ **Khớp nối đồng bộ hạ tầng môi trường và nâng cấp tiện ích công cộng**

Khớp nối hạ tầng ngầm: Triển khai dự án nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, tách biệt hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư hiện hữu, từng bước khớp nối kỹ thuật an toàn với hệ thống xử lý nước thải hiện đại của KĐT Ecopark và Vaquarius.

Hiện đại hóa thiết chế văn hóa - thể thao: Sử dụng nguồn ngân sách và quỹ vốn xã hội hóa để cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa thôn cũ sau sáp nhập thành các trung tâm sinh hoạt cộng đồng đa năng của xã. Đầu tư lắp đặt các thiết bị thể thao ngoài trời, tối ưu hóa các dải đệm xanh sẵn có để phục vụ cư dân.

Phát huy nguồn lực tri thức cấp vùng: Chủ động ký kết các chương trình hợp tác chiến lược với Đại học Anh Quốc Việt Nam (BUV) và Đại học Y khoa Tokyo Việt Nam đóng trên địa bàn nhằm tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng số, ngoại ngữ và nghiệp vụ dịch vụ đô thị cho thế hệ lao động trẻ tại địa phương.

➤ **Phát triển kinh tế đô thị và an sinh xã hội bền vững**

Phát triển thương mại - dịch vụ nén: Khai thác tối đa lợi thế của các trục shophouse, phố thương mại tại Ecopark, Trust City, Vaquarius để phát triển các loại hình dịch vụ cao cấp: tài chính, ngân hàng, ẩm thực, logistics và vui chơi giải trí.

Thông minh hóa kinh tế làng nghề: Hỗ trợ người dân ứng dụng công nghệ số vào quảng bá thương mại điện tử và phát triển mô hình Nông nghiệp sinh thái đô thị gắn với du lịch trải nghiệm. Biến các nhà vườn hoa, cây cảnh thành các điểm dừng chân sinh thái đạt chuẩn chất lượng phục vụ dòng khách du lịch từ Thủ đô.

Bảo đảm an sinh: Duy trì nghiêm túc chính sách trợ giúp đa chiều, hỗ trợ

nguồn vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội để bảo đảm chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giữ vững ở mức lý tưởng (0%).

5.4. Các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị

5.4.1. Kế hoạch nâng cao các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu của đô thị loại III

Căn cứ các nội dung rà soát, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn tại phụ lục II Bảng 2A, 2B nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 về phân loại đô thị. Tổng hợp các tiêu chí, tiêu chuẩn như sau:

1. Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá phân loại đô thị loại III:

- 12 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa
- 04 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình
- 05 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu theo quy định
- Có 02 tiêu chuẩn chưa đạt điểm

2. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị:

- 27 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa
- 4 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình
- 4 tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu theo quy định
- 2 tiêu chuẩn chưa đạt điểm

3. Định hướng và giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo

Để hoàn thiện toàn diện hồ sơ nâng cấp đô thị loại III, địa phương tập trung triển khai các nhóm giải pháp chiến lược sau:

Chiến lược tích hợp 2026: Ưu tiên sử dụng nguồn ngân sách và vốn xã hội hóa để cải tạo, tiệm cận hóa chất lượng hạ tầng khu dân cư cũ theo tiêu chuẩn của các đại đô thị hiện hữu trên địa bàn.

Giải pháp 1: Đồng bộ hóa công cụ pháp lý quản lý kiến trúc

Phối hợp với Sở Xây dựng và UBND xã Phụng Công khẩn trương tích hợp các quy định quản lý của các phân khu D1, E2, E4 để ban hành một tài liệu Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị nhất quán cho xã Phụng Công mới, nâng điểm tiêu chí này từ 4,0 lên điểm tối đa 5,0/5,0.

Giải pháp 2: Hoàn thiện quỹ đất quy hoạch còn lại

Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và hoàn thiện đầu tư hạ tầng đối với đất xây dựng đô thị còn lại theo đúng tiến độ của kịch bản quy hoạch phân khu nhằm đưa tỷ lệ đất xây dựng hiện trạng so với quy hoạch đạt ngưỡng 100%.

Giải pháp 3: Đột phá hạ tầng khớp nối vùng làng nghề

Đầu tư mở rộng, thẩm nhựa hóa và lắp đặt camera giám sát giao thông trên các trục đường nhánh kết nối từ vùng trồng hoa cây cảnh chuyên canh Xuân Quan - Phụng Công ra các trục lộ chính (ĐT.379, ĐT.379B). Nâng cấp, chuyển đổi công năng các nhà văn hóa cũ thành các trung tâm sinh hoạt văn hóa - thể thao đa năng của Phường.

5.4.2. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu nhằm xây dựng xã Phụng Công đạt tiêu chuẩn đô thị loại III

- Việc xác định các dự án trên địa bàn xã Phụng Công cần đảm bảo tuân thủ các quy hoạch, chương trình, dự án, kế hoạch và phù hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 đã được phê duyệt

- Đảm bảo sau khi xây dựng các dự án, điểm đô thị Phụng Công sẽ đạt tối thiểu trên điểm tiêu chuẩn về phân loại đô thị (>75 điểm)

Bảng 13. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu toàn đô thị giai đoạn đến năm 2030 và 2040

Thứ tự	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thang điểm tối đa	Điểm hiện trạng	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị hoặc Ghi chú cho các hạng mục được điểm	Điểm thêm sau khi các dự án hoàn thành
	Tổng		83,69		96,5
I	TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	15	11,5		11,5
1	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông	7	5,5	-	5,5
2	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối	8	6	-	6
II	TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA	20	18,71		20
1	Quy mô dân số đô thị	7	5,71	Đẩy nhanh tiến độ bàn giao các phân khu căn hộ cao tầng và các dãy phố thương mại tại dự án Ecopark, Vaquarius để thu hút làn sóng dịch chuyển dân cư, thương lái và chuyên gia từ nội thành Hà Nội về lưu trú thường xuyên, gia tăng mạnh mẽ quy mô dân số	7

				cơ học.	
2	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	6	6	-	6
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	7	7	-	7
III	TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ	65	53,48		65
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	25	19,665		25
3.1.1	Giao thông	9	7,625		9
1	Đầu mối giao thông	4	3	Quy hoạch xây dựng các bến bãi đỗ xe tỉnh, bãi đỗ xe công cộng thông minh bám dọc trục giao thông huyết mạch đối ngoại như tuyến vành đai 3.5 và tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng để nâng cao khả năng tiếp nhận, trung chuyển hàng hóa, logistics liên vùng	4
2	Mật độ đường giao thông đô thị	5	4,63	-	5
3.1.2	Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải	7	6,75		7
1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	3	3	-	3
2	Mật độ đường cống thoát nước chính	3	3	-	3
3	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	1	0,75	Đẩy nhanh tiến độ thi công mạng lưới ống ngầm tách nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư cũ và làng nghề, dẫn về cụm 3 trạm xử lý tập trung công suất 29.300 m3/ngày đêm nhằm nâng công suất vận hành thực tế từ 50% lên trên 75%.	1
3.1.3	Xử lý chất thải rắn	3	3		3
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	3	3	-	3
3.1.4	Nghĩa trang đô thị	6	2,29		6
1	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	3	2,29	Đẩy mạnh đề án đóng cửa các nghĩa trang nhỏ lẻ hiện trạng, đưa vào phân khu nghĩa trang tập trung có dải cây xanh cách ly đạt chuẩn môi trường.	3
2	Nhà tang lễ	3	0	Trong quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đô thị giai đoạn 2026 – 2030, cần bố trí quỹ đất và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng công trình nhà tang lễ liên vùng, bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và đáp ứng 100% nhu cầu của cư dân đô thị trong tương lai.	3
III.2	Về hạ tầng xã hội	25	19,82		25
1	Số giường bệnh	5	5	-	5
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo	5	4,44	Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dạy học của 6 trường phổ thông công lập nền tảng để giữ vững danh hiệu trường đạt chuẩn quốc gia đạt 100%; đồng thời quy hoạch xây dựng thêm hệ thống các trường liên cấp công lập độc lập để hoàn thiện chuỗi phân cấp học đường đô thị.	5
3	Công trình văn hóa	5	4,38	Quy hoạch xây dựng tổ hợp trung tâm triển lãm, nhà trưng bày sản phẩm làng nghề gốm sứ và hoa cây cảnh truyền thống chất lượng cao. Trùng tu, tôn tạo	5

				và lập phương án bảo tồn nghiêm ngặt hệ thống di tích lịch sử, văn hóa tâm linh đã được xếp hạng gắn với tuyến du lịch sinh thái ven sông Hồng.	
4	Công trình thể dục, thể thao	4	0	Bố trí quỹ đất và kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng thêm tối thiểu 01 công trình thể dục thể thao cấp đô thị, bảo đảm bán kính phục vụ dân sinh và đáp ứng 100% nhu cầu rèn luyện sức khỏe của cư dân đô thị trong tương lai.	4
5	Công trình thương mại, dịch vụ	3	3	-	3
6	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	3	3	-	3
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	15	14		15
1	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	4	4	-	4
2	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	3	3	-	3
3	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	3	3	-	3
4	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	5	4	Chấm dứt việc quản lý kiến trúc lồng ghép phụ thuộc theo quy hoạch các phân khu (D1, E2, E4). Ủy ban nhân dân địa phương cần phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng để lập, thẩm định và ban hành riêng một văn bản văn bản pháp lý độc lập: "Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan và không gian đô thị Phường Phụng Công", quy định tường minh về chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và tầng cao kiến trúc để lấy trọn vẹn điểm tối đa.	5

Bảng 14. Phân tích nhu cầu dự án thiết yếu trình độ phát triển toàn đô thị giai đoạn đến năm 2030 và 2040

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Thang điểm tối đa	Điểm hiện trạng	Dự án, chương trình thiết yếu để thêm điểm cho đô thị hoặc Ghi chú cho các hạng mục được điểm	Điểm thêm sau khi các dự án hoàn thành
	Tổng		91,36		100
I	TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	15	15		15
1	Tỷ lệ tăng dân số	5	5	-	5
2	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	6	6	-	6
3	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	4	4	-	4
II	TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA	20	18,45		
1	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	10	9,77	Phát triển mở rộng không gian đô thị; Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, khu đô thị nhằm thu hút dân cư	10
2	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây	6	5,67	Ưu tiên tăng tầng cao công trình (nếu hạ tầng kỹ thuật đáp	6

	dựng đô thị theo quy hoạch đô thị			ứng được) để giải phóng không gian mặt đất cho cây xanh và hạ tầng công cộng.	
3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	4	3	Chuyển dịch mô hình kinh tế nông nghiệp truyền thống sang Kinh tế đô thị sinh thái, thương mại dịch vụ và công nghệ cao	4
III	TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ	65	57,79		65
III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	25	24,53		25
3.1.1	Giao thông	9	9		9
1	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	3	3	Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đô thị theo QHC, QHPK được duyệt	3
2	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	3	3	-	3
3	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	3	3	-	3
3.1.2	Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải	6	6		6
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	2	2	-	2
2	Thoát nước chống ngập úng đô thị	2	2	-	2
3	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	2	2	-	2
3.1.3	Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị	4	4		4
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	2	2	-	2
2	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	1	1	-	1
3	Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	1	1	-	1
3.1.4	Cấp điện và chiếu sáng công cộng	4	3,75		4
1	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	2	2	-	2
2	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	1	1	-	1
3	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	1	0,75	Tập trung nguồn lực thực hiện đề án 'Hiện đại hóa và thông minh hóa mạng lưới chiếu sáng công cộng Phụng Công', bảo đảm tỷ lệ các tuyến đường chính có ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và điều khiển thông minh đạt trên 80%	1
3.1.5	Hạ tầng viễn thông	2	1,78		2
1	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	2	1,78	Địa phương cần thực hiện chiến lược 'Phổ cập hạ tầng internet cáp quang băng rộng tốc độ cao' đến từng hộ gia đình	2

III.2	Về hạ tầng xã hội	25	19		25
3.2.1	Nhà ở	6	5,5		6
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	4	4	-	4
2	Nhà ở xã hội	2	1,5	Quy hoạch đất và kêu gọi đầu tư dự án nhà ở xã hội, nhà ở chi phí thấp	2
3.2.2	Công trình công cộng	19	13,5		19
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	3	0	Nâng cao chất lượng đô thị, thu hút người dân đến sinh sống, làm việc và phát triển du lịch, dịch vụ	3
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	4	4	-	4
3	Số trường công lập đạt chuẩn	3	3	-	3
4	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	3	0	Triển khai 'Quy hoạch bổ sung diện tích và xây dựng mới trường tiểu học công lập'	3
5	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	3	3	-	3
6	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	3	3	-	3
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	15	14,38		15
3.3.1	Không gian đô thị	4	4	-	4
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	2	2	-	2
2	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m ² trở lên	2	2	-	2
3.3.2	Kiến trúc, cảnh quan đô thị	4	4		4
1	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	2	2	-	2
2	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	1	1	-	1
3	Công trình xanh	1	1	-	1
3.3.3	Quản trị đô thị	7	6,38		7
1	Kế hoạch phát triển đô thị	1	0,5	Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị tư vấn hàng đầu để xây dựng Kế hoạch thực hiện phát triển đô thị phân khu Phụng Công giai đoạn 2026 - 2030	1
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2	1,88	Chuyển đổi triệt để quy trình thẩm định nội bộ từ môi trường giấy sang môi trường điện tử. Tất cả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương bắt buộc phải được ký số và trả bản điện tử vào "Kho dữ liệu cá nhân" của công dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia	2
3	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo,	1	1	-	1

	chỉnh trang so với kế hoạch				
4	Quản lý phát triển đô thị thông minh	1	1	-	1
5	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	2	2	-	2

5.4.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Đây là các dự án thuộc nhóm giải pháp ưu tiên phát triển đô thị Phụng Công giai đoạn 2026-2030 nhằm nâng điểm trình độ phát triển đô thị từ 91,36 điểm (hiện tại) lên 100 điểm và điểm đánh giá toàn đô thị từ 83,69 điểm lên 96,5 điểm.

a) Dự án chiến lược:

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án tuyến đường vành đai 3,5. Đây là một trong những tuyến giao thông quan trọng góp phần thúc đẩy giao thương giữa Phụng Công với các vùng lân cận và là cơ sở cho việc phát triển không gian toàn xã bền vững trong mối quan hệ hữu cơ với tỉnh Hưng Yên.

- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ kết nối di sản văn hoá, du lịch - phát triển kinh tế dọc sông Hồng.

- Đầu tư xây dựng đường Đông - Tây I (Đoạn từ ĐT.378 đến ĐT.382B).

- Hoàn thành hạ tầng khu trung tâm thương mại – dịch vụ; đây sẽ là khu vực đóng vai trò động lực trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã; góp phần thu hút dân cư đến sinh sống và làm việc tại xã.

b) Các dự án đầu tư phát triển đô thị khác cần xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng:

b1. Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật:

Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.379, ĐT.378, ĐT.379B

Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường sắt nội vùng đoạn qua xã Phụng Công

Dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã

Đầu tư xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị (các tuyến trục dọc, trục ngang)

Xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối trạm 220kV; 110kV

Xây dựng các cống qua đê bồi vùng bãi

Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trạm bơm tưới, tiêu, cấp nguồn và các tuyến kênh, mương tưới, tiêu, cấp nguồn

Nâng công suất các nhà máy nước: Ecopark, Phụng Công.

Xây dựng nhà máy nước Xuân Quan.

Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị, dân cư tập trung.

Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và hạ tầng phụ trợ đồng bộ với các nền tảng chuyển đổi số trên cơ sở kế thừa các hạ tầng đã có. Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở của xã và của tỉnh. Đầu tư các phần mềm, giải pháp an toàn thông tin nhằm hoàn thành dự án chuyển đổi số cấp xã. Trong đó, ưu tiên chuyển đổi số đối với các lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistics, tài nguyên, môi trường và du lịch.

c2. Lĩnh vực hạ tầng xã hội:

Dự án Khu thương mại, dịch vụ gắn với tuyến ĐT.379.

Dự án Khu trung tâm đô thị Văn Giang (các công trình HTXH đô thị)

· Khu dịch vụ xã Cửu Cao (cũ)

Nghiên cứu xây dựng các trường học ngoài công lập và cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống trường học khác trên địa bàn.

Phát triển hệ thống y tế tư nhân (bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám)

Xây dựng công viên trong KĐT Ecopark

c3. Các dự án thương mại – dịch vụ, khu đô thị:

Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư, phát triển đô thị trên địa bàn như: dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị thương mại – du lịch Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Khu đô thị mới xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên; Khu biệt thự và nhà ở Hưng Thịnh ...

5.5. Lộ trình thực hiện và nguồn vốn

Giai đoạn 2026 - 2027: Ưu tiên hoàn thiện hồ sơ pháp lý, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; tập trung vốn xử lý dứt điểm các tuyến đường xung đột giao thông vùng bãi và nâng cấp các nhà văn hóa cũ.

Giai đoạn 2028 - 2030: Khớp nối toàn diện hạ tầng kỹ thuật ngầm; hoàn thiện lấp đầy 100% quỹ đất xây dựng theo quy hoạch phân khu; chuyển đổi số toàn diện công tác quản lý hành chính công phục vụ mô hình Phường văn minh.

Cơ cấu nguồn vốn: Đa dạng hóa nguồn lực theo phương thức xã hội hóa mạnh mẽ. Kết hợp hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước (đối với hạ tầng khung) và nguồn vốn đầu tư từ các tập đoàn, doanh nghiệp, cùng sự đóng góp đồng lòng của nhân dân (đối với hạ tầng dịch vụ và chỉnh trang đô thị).

PHẦN III

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Trong thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát và đầu tư kịp thời của Trung ương, của tỉnh Hưng Yên, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Phụng Công đã đồng lòng, tập trung huy động mọi nguồn lực để bứt phá mạnh mẽ. Địa phương đã đạt được những thành tựu toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội và đẩy mạnh công tác chỉnh trang, mỹ hóa không gian đô thị. Nhờ đó, diện mạo địa phương đã chuyển đáng sang một phường nội đô văn minh, chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt.

Căn cứ hệ thống tiêu chuẩn về phân loại đô thị được quy định nghiêm túc tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; đối chiếu với điều kiện thực tế sau sáp nhập địa giới hành chính, UBND xã Phụng Công tổng hợp kết quả tự đánh giá như sau:

Tiêu chuẩn đánh giá toàn đô thị: Đạt 83,69 / 100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm).

Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị: Đạt 91,36 / 100 điểm (Quy định tối thiểu đạt 75 điểm).

Đối chiếu với các khung pháp lý hiện hành, xã Phụng Công đã cơ bản hoàn thành và vượt các điều kiện, tiêu chuẩn cốt lõi của một đô thị loại III trực thuộc tỉnh. Địa phương đã thiết lập đầy đủ cơ sở bệ phóng để chuyển đổi mô hình quản lý hành chính sang cấp Phường, đủ điều kiện pháp lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, công nhận.

II. KIẾN NGHỊ

Để kịp thời ghi nhận những nỗ lực của địa phương, đồng thời tạo cơ chế pháp lý đồng bộ nhằm quản lý ổn định và vận hành thông suốt bộ máy hành chính mới sau sáp nhập, Ủy ban nhân dân xã Phụng Công kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, thực hiện các nội dung sau:

Đối với Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên: Kính trình Sở Xây dựng quan tâm xem xét, chủ trì tổ chức hội đồng hội nghị thẩm định, rà soát thực tế và đánh giá chi tiết hồ sơ đề xuất của địa phương; sớm ban hành văn bản thẩm định chuyên môn theo quy định pháp luật.

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Kính trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và ban hành Quyết định công nhận xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên đạt tiêu chuẩn đô thị loại III trực thuộc tỉnh.

Sự công nhận kịp thời của Quý cơ quan sẽ là động lực chính trị - kinh tế to lớn, cổ vũ Đảng bộ và nhân dân xã Phụng Công tiếp tục giữ vững kỷ cương quy hoạch, nâng cao hơn nữa chất lượng đô thị sinh thái thông minh, đóng góp tích cực vào sự phát triển thịnh vượng chung của hành lang kinh tế phía Tây Bắc tỉnh Hưng Yên và vùng Thủ đô.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 1: CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

I. Chỉ tiêu xã hội

STT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu 2025
1	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,95
2	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/người/năm	98,2
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0

II. Chỉ tiêu kinh tế

STT	Danh mục	Đơn vị	Mục tiêu năm 2025	Chỉ tiêu đạt được năm 2025
	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	13,6	13,6

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III**BIỂU 2: THÔNG KÊ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG**

TT	Loại đất	Diện tích hiện trạng 2025(ha)	Diện tích quy hoạch (ha)
	Tổng diện tích	1.461,00	1.461,00
A	Đất xây dựng đô thị	784,96	1128,25
1	Đất dân dụng	687,2	1023,5
	Đất các khu ở	262,27	481,9
	Đất công trình công cộng	167,58	241,3
	Đất công trình công cộng cấp đô thị	80,97	24,20
	Đất công trình công cộng cấp đơn vị ở	86,61	217,1
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước	55,19	67,66
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đô thị	41,59	48,4
	Đất công viên, cây xanh, hồ nước cấp đơn vị ở	13,6	19,26
	Đất giao thông đối nội (đường giao thông và đất giao thông khác như bãi xe, đất dự trữ giao thông)	202,16	232,64
2	Đất ngoài dân dụng	97,76	104,75
	Đất xây dựng trụ sở, cơ quan	2,92	2,92
	Đất khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh	5,41	5,41
	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	7,85	7,85
	Đất quân sự, an ninh, quốc phòng	1,2	3,08
	Đất nghĩa trang	8,73	11,83
	Đất giao thông đối ngoại	68,86	68,86
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	2,79	4,8
B	Đất khác	676,04	332,75
	Mặt nước	179,17	147,33
	Đất nông nghiệp	496,87	185,42

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

2. 4.

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III**BIỂU 3: THỐNG KÊ HỆ THỐNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG****I. Thống kê hệ thống giao thông**

TT	Tên đường	Loại đường	Chiều rộng mặt đường (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	Chiều dài tuyến (m)	Diện tích (m ²)
	Tổng				188.037	2.710.199
<i>I</i>	<i>Đường Giao thông đối ngoại</i>				16.600	688.600
1	Đường QL5B	Đường nhựa	31,5	100	1.400	140.000
2	Đường ĐT.379 (liên tỉnh đi qua ĐT Ecopark)	Đường nhựa	38	100	3.000	300.000
3	Đường ĐT.378	Đường nhựa	11	13	3.200	41.600
4	Đường ĐT.379B	Đường nhựa	9	16	6.200	99.200
5	Đường ĐT.382B nhánh trái	Đường nhựa	9	38,5	1.400	53.900
6	Đường ĐT.382B nhánh phải	Đường nhựa	9	38,5	1.400	53.900
II	Đường Giao thông đối nội					
II.1	Huyện lộ (đường huyện cũ)					
1	Đường Tô Hiệu (ĐH.20 cũ)	Đường nhựa	7,5	16	150	2.400
2	Đường Phó Đức Chính (ĐH.23 cũ)	Đường nhựa	7,5	16	50	800
II.2	Đường Khu vực					
1	Trong khu đô thị Ecopark	Đường nhựa			46.290	
	Các tuyến đường trục chính đô thị	Đường nhựa	28	55	1.584	87.120
	Các tuyến đường liên khu vực	Đường nhựa	15-17	30	16.364	490.920
	Các tuyến đường liên khu vực	Đường nhựa	10-12	20-25	6.497	134.492
	Các tuyến đường nội bộ	Đường nhựa	7	9-14	17.063	233.214
2	Đường xã	Đường nhựa	7-9	13	33.005	429.061
3	Đường thôn	BTXM+ nhựa	3,5-7	5-9	91.942	643.592

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

4 40

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III**BIỂU 4: THỐNG KÊ HỆ THỐNG ĐƯỜNG DÂY, ĐƯỜNG ống NGẦM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG**

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến đường giao thông (m)	Chiều dài tuyến đường dây, đường cáp ngầm (m)	Tỷ lệ tuyến có đường dây đường cáp ngầm (%)
	Tổng	183.256	127.729	69,70%
I	Đường Giao thông đối ngoại	16.600	16.600	
1	Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (QL5B)	1.400	1.400	100%
2	Đường ĐT.379 (liên tỉnh đi qua ĐT Ecopark)	3.000	3.000	100%
3	Đường ĐT.378	3.200	3.200	100%
4	Đường ĐT.379B	6.200	6.200	100%
5	Đường ĐT.382B nhánh trái	1.400	1.400	100%
6	Đường ĐT.382B nhánh phải	1.400	1.400	100%
II	Đường Giao thông đối nội	166.656	106.326	63,80%
II.1	Đường đô thị	41.709	41.709	100%
1	Đường Tô Hiệu (ĐH.20 cũ)	150	150	100%
2	Đường Phó Đức Chính (ĐH.23 cũ)	50	50	100%
3	Ecopark			
3.1	Các tuyến đường trục chính đô thị	1.584	1.584	100%
3.2	Các tuyến đường liên khu vực	16.365	16.365	100%
3.3	Các tuyến đường liên khu vực	6.497	6.497	100%
3.4	Các tuyến đường nội bộ	17.063	17.063	100%
II.2	Đường khu vực	124.947	64.617	51,70%
1	Các tuyến đường xã	33.005	27.840	84%
2	Các tuyến đường thôn	91.942	36.777	40%

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

1. 1/2



2. 1/2

3. 1/2

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 5: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến đường giao thông (m)	Chiều dài tuyến đường được chiếu sáng (m)	Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh
	Tổng	183.256	122.926	
I	Đường Giao thông đối ngoại	16.600	16.600	
1	Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (QL5B)	1.400	1.400	
2	Đường ĐT.379 (liên tỉnh đi qua ĐT Ecopark)	3.000	3.000	Dùng đèn led tiết kiệm năng lượng
3	Đường ĐT.378	3.200	3.200	
4	Đường ĐT.379B	6.200	6.200	
5	Đường ĐT.382B nhánh trái	1.400	1.400	
6	Đường ĐT.382B nhánh phải	1.400	1.400	
II	Đường Giao thông đối nội	166.656	106.326	
II.1	Đường đô thị	41.709	41.709	
1	Đường Tô Hiệu (ĐH.20 cũ)	150	150	
2	Đường Phó Đức Chính (ĐH.23 cũ)	50	50	
3	Ecopark			Trừ khu Park River và Giai đoạn 1 còn lại đều dùng đèn led tiết kiệm năng lượng
3.1	Các tuyến đường trục chính đô thị	1.584	1.584	
3.2	Các tuyến đường liên khu vực	16.365	16.365	
3.3	Các tuyến đường liên khu vực	6.497	6.497	
3.4	Các tuyến đường nội bộ	17.063	17.063	
II.2	Đường khu vực	124.947	64.617	
1	Các tuyến đường xã	33.005	27.840	
2	Các tuyến đường thôn	91.942	36.777	

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

4 43

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

**ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ
ĐÔ THỊ LOẠI III**

**BIỂU 6: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CẤP ĐIỆN, CẤP NƯỚC, CẤP QUANG INTERNET
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG**

STT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	Tổng dân số	Người	45.327
II	Cấp điện		
	Mức tiêu thụ điện năm 2025 toàn xã	kwh/năm	54.755.016
III	Cấp nước		
1	Tổng dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Người	45.327
2	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100
3	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	l/ngày đêm	5.756.529
4	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	127
IV	Cấp quang internet		
1	Tổng số hộ gia đình	Hộ	11.197
2	Tổng số hộ có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	Hộ	10.189
3	Tỷ lệ hộ có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định (%)	%	91%
4	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G (%)	%	12%

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ
ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 7: THỐNG KÊ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến (km)	Chiều dài hệ thống thoát nước (km)
	Tổng	187,99	241,88
A	Đường Giao thông đối ngoại	16,6	24
1	Đường QL5B	1,4	2,8
2	Đường ĐT.379 (liên tỉnh đi qua ĐT Ecopark)	3	6
3	Đường ĐT.378	3,2	
4	Đường ĐT.379B	6,2	12,4
5	Đường ĐT.382B nhánh phải	1,4	1,4
6	Đường ĐT.382B nhánh phải	1,4	1,4
B	Đường Giao thông đối nội		
I	Các tuyến giao thông đô thị		
1	Đường Tô Hiệu (ĐH.20 cũ)	0,15	0,3
2	Đường Phó Đức Chính (ĐH.23 cũ)	0,05	0,1
3	Các tuyến đường trong đô thị Ecopark	46,29	92,58
II	Giao thông khu vực		
1	Đường xã	33	33
2	Đường thôn	91,9	91,9

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

**BIỂU 8: THỐNG KÊ HỆ THỐNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG**

TT	Tên trạm xử lý	Công suất TK (m3/ngày đêm)	Công suất vận hành (m3/ngày đêm)	Tỷ lệ % giữa tổng công suất vận hành trên công suất thiết kế
	Tổng	29.570	14.780	50
1	Trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại thôn Hạ	150	130	
2	Trạm xử lý nước thải cục bộ khu dân cư nông thôn tại Thôn 1	120	100	
3	Các trạm xử lý nước thải trong Ecopark	Trạm số 1: Công suất 3500m3/ngđ; Trạm số 2: Công suất 11.600m3/ngđ; Trạm số 3: Công suất 14.200m3/ngđ	14.550	

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

4 22

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 9: THÔNG KÊ KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT ĐƯỢC THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Nước thải sinh hoạt		
1	Tổng dân số	Người	45.327
2	Dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	người	45.327
3	Tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	100
II	Chất thải rắn sinh hoạt		
1	CTR sinh hoạt được thu gom	%	98,5
2	CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	98
3	Tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trên tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát thải	%	100
4	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	80
III	Tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng	%	100

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
BIỂU 10: THỐNG KÊ THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CÁC KHU
NGHĨA TRANG, NHÀ TANG LỄ THEO QUY HOẠCH ĐƯỢC DUYỆT TRÊN
ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

TT	Nội dung	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích đã xây dựng (ha)	Tỷ lệ phần trăm diện tích nghĩa trang đã được xây dựng so với quy hoạch (%)
I	Các nghĩa trang đã được quy hoạch trên địa bàn			
1	Nghĩa trang Vàng Hạ	3,31	1,54	46,5
2	Nghĩa trang Mả Đanh	1,17	0,968	82,7
3	Nghĩa trang Sùng Sãi	1,01	0,62	61,4
4	Nghĩa trang Sau Ngõ	0,19	0,17	89,5
5	Nghĩa trang Đại Đầu Ngõ	0,6785	0,42	61,9
6	Nghĩa trang Khúc Tháp	0,6771	0,3749	55,3
7	Nghĩa trang Bến	1,1117	0,6009	54,1
8	Nghĩa trang Địa Cát	14,86	8,5	57,2
9	Nghĩa trang Khúc Cá	2,01	0,7	34,8
10	Nghĩa trang liệt sỹ	0,29	0,23	79,3
II	Nhà tang lễ	0	0	0

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

1. 1. 1.

UBND XÃ PHỤNG CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 11: THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG NHÀ Ở

TT	Danh mục	Đơn vị	Chỉ tiêu/Quy mô	Ghi chú
I	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2 sàn/người	34	
II	Dự án Nhà ở xã hội			
	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại xã Phụng Công	ha	2,79	
III	Chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu 4.000 người)		0	

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

7 70

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HUNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 12: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH Y TẾ
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

1	Danh mục	Diện tích (ha)	số giường bệnh (giường)
I	Cấp đô thị		
	Bệnh viện Đa khoa Văn Giang		285
II	Cấp đơn vị ở		
	Trạm y tế cơ sở Phụng Công (cũ)		8
	Trạm y tế cơ sở Xuân Quan (cũ)		8
	Viện mắt Alina (Tư nhân)		10

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III**BIỂU 14: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG**

TT	Danh mục	Diện tích đất (m ²)	Ghi chú
CÔNG TRÌNH VĂN HÓA			
I	Cấp đô thị	208.583,99	
1	NVH xã Phụng Công (cũ)	300	
2	NVH xã Xuân Quan (cũ)	1220	
3	NVH xã Cửu Cao (cũ)	1.160	
4	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Xuân Quan (cũ)	750	
5	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Phụng Công	2.211,7	
6	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ xã Cửu Cao	60	
7	Đình Cửu Cao	5.339,6	Di tích quốc gia
8	Văn chỉ	518,1	
9	Miếu Hạ (Đệ Nhất)	926,9	
10	Miếu Hạ (Đệ Nhị)	1.832,69	
11	Miếu Vàng	2.648,3	
12	Miếu Nguyễn	3.102,7	
13	Miếu Thượng	2.213	
14	Nghè	11.907	
15	Hạc Minh	3.411	
16	Thắng Quang	2.830	
17	Dinh Quận Công	600	
18	Miếu thôn 01	90	
19	Đền Đức Ông	243	
20	Miếu thôn 4	300	
21	Miếu thôn 5	10	
22	Miếu Ông Am	120	
23	Miếu Bà Cô	10	
24	Miếu thôn 10	20	
25	Đình Triệu Đà	143.300	Di tích quốc gia
26	Miếu Bà Chúa (Đền Bà Hoàng Thái Hậu)	250	
27	Đền Ngò		Di tích quốc gia
28	Đình Thu		
29	Đình Đầu		Di tích quốc gia
30	Đình Bến		Di tích cấp tỉnh
31	Đình Chạ		
32	Chùa Giác Quang	4.729	
33	Chùa Hương Kiệu	314	
34	Chùa Chu Diên	3.762	

35	Chùa Phúc Lâm	1.000	
36	Chùa Khám Sơn	3.271	
37	Chùa Bảo Khám	8.310	
38	Chùa Phật Hiện	1.824	
II	Cấp đơn vị ở	425.873,88	
	Nhà văn hóa thôn Khúc Tháp	1534	
	Nhà văn hóa thôn Đâu	1749	
	Nhà văn hóa thôn Bến	609	
	Nhà văn hóa thôn Ngò	300	
	Nhà văn hóa thôn Đại	730,8	
	Nhà văn hóa thôn 1	1036,6	
	Nhà văn hóa thôn 2	843,6	
	Nhà văn hóa thôn 3	1026,4	
	Nhà văn hóa thôn 4	1026,7	
	Nhà văn hóa thôn 5	1032,9	
	Nhà văn hóa thôn 5 (thôn 6 cũ)	893,4	
	Nhà văn hóa thôn 6 (thôn 7 cũ)	443,5	
	Nhà văn hóa thôn 7	738,1	
	Nhà văn hóa thôn 8	1027,2	
	Nhà văn hóa thôn 9	657,3	
	Nhà văn hóa thôn 10 (thôn 11 cũ)	1574	
	Nhà văn hóa thôn 10 (thôn 12 cũ)	852,2	
	Nhà văn hóa thôn Thượng	651,6	
	Nhà văn hóa thôn Hạ	1482	
	Nhà văn hóa thôn Nguyễn	524	
	Nhà văn hóa thôn Vàng	1377	

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

UBND XÃ PHỤNG CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụng Công, ngày 02 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 13: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

TT	Danh mục	Diện tích đất (m2)	Trường chuẩn quốc gia (mức độ I, II)
I	Cấp đô thị	305.228	
1	THPT Văn Giang	20.018	Đạt chuẩn
2	Trường TH-THCS-THPT Greenfield	27.049	Đạt chuẩn
3	Trường TH-THCS-THPT Edison schools	22.951	Đạt chuẩn
4	Đại học Anh Quốc Việt Nam	65.111	Đạt chuẩn
5	Đại học Tokyo Việt Nam	150.000	Đạt chuẩn
6	Trung tâm đào tạo Vietcombank	20.099	Đạt chuẩn
II	Cấp đơn vị ở	70.334,90	
1	Mầm non Xuân Quan	6.901	Đạt chuẩn
2	Mầm non Phụng Công	3.570	Đạt chuẩn
3	Mầm non Cửu Cao	5.531	Đạt chuẩn
4	Mầm non Vương quốc Xì Trum	360	Đạt chuẩn
5	Mầm non Sáng Tạo	2.637,90	Đạt chuẩn
6	Mầm non Fujikids	1.600	Đạt chuẩn
7	Mầm non Quốc Tế Bầu Trời	2.100	Đạt chuẩn
8	TH và THCS Xuân Quan	20.899	Đạt chuẩn
9	TH-THCS Phụng Công	14.240	Đạt chuẩn
10	TH và THCS Cửu Cao	12.496	Đạt chuẩn

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH
Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HUNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 15: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH TDTT
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

TT	Danh mục	Diện tích (m2)	Ghi chú
1	Xã Xuân Quan (cũ)		
	Sân bóng chuyền	600	7 sân
	Sân bóng đá	2500	1 sân
	cầu lông	600	1 sân
	Bể bơi	200	1
2	Xã Phụng Công (cũ)		
	Sân bóng chuyền hơi	750	5 sân
	Sân bóng đá	1000	1 sân
3	Xã Cửu Cao (cũ)		
	Sân bóng chuyền hơi	600	4 sân
4	Khu đô thị Ecopark		
	Sân bóng đá	9400	
	Bể bơi	1150	

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

6 70



Phụng Công, ngày 03 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III**BIỂU 16: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC CÔNG TRÌNH TMDV
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG**

TT	Danh mục	Diện tích (m2)	Ghi chú
I	Cấp đô thị		
a	Trong khu đô thị Ecopark		
1	Khu nhà phố thương mại Phố Trúc	15.342	
2	Khu nhà phố thương mại Thảo Nguyên	21.983	
3	Khu nhà phố thương mại Thủy Nguyên – GĐ 1	20.259	
4	Khu nhà phố thương mại Thủy Nguyên – GĐ 2	5.743	
5	Khu nhà phố thương mại Vịnh Đảo	3.940	
6	Khu nhà phố thương mại Vịnh Đảo 2	3.240	
7	Khu nhà phố thương mại Thủy Trúc	10.118	
8	Khu nhà phố thương mại Quảng Trường	2.355	
9	Khu nhà phố thương mại Quảng Trường Vịnh Đảo	1.328	
10	Khu nhà phố thương mại Công viên Vịnh Đảo	2.013	
11	Trường liên cấp Greenfield	27.049	
12	Trường liên cấp Edison	22.951	
13	Trung tâm đào tạo Vietcombank	20.099	
14	Đại học BUV	65.111	
15	Đại học y khoa Tokyo và bệnh viện Kusumi	30.463	
b	Khu vực khác		
1	Khu thương mại dịch vụ giải trí Long Hưng	14.330	
2	Cửa hàng xăng dầu Cừu cao	200	
3	Cửa hàng xăng dầu Xuân Quan	450	
4	Siêu thị Citymark	1.250	
5	Siêu thị thành đô	150	
6	Siêu Thị Aeon - Khu Ecopark	3.000	
II	Cấp đơn vị ở		
1	Chợ Phụng Công	3.100	
2	Chợ Xuân Quan	5.500	
3	Chợ Cừu Cao	4.000	
4	Siêu thị mini Maxvulua - Khu đô thị Ecopark (tòa Sky 2)	500	
5	Siêu thị mini Maxvulua - Khu đô thị Ecopark (tòa E rừng cọ)	1.000	
6	Siêu thị mini Maxvulua - Khu đô thị Ecopark (tòa WBA)	1.250	
7	Siêu thị mini Maxvalu Sky Oasis	2.570	
8	Siêu thị mini Maxvalu - Khu đô thị Ecopark (Tòa CT21-22)	2.240	
9	Siêu thị mini Maxvalu - Khu đô thị Ecopark (Tòa H1)	2.660	
10	Siêu thị mini MaxValu Sol Forest	2.020	
11	CGV – Khu đô thị Ecopark (Tòa Lake 1)		
12	K-market - Khu đô thị Ecopark (Tòa Lake 1)		
13	Vinmart+ - Khu đô thị Ecopark (Tòa Sky 1)		
14	AeonMaxValue - Khu đô thị Ecopark (Tòa Sky 2)		
15	Aeon Vietnam - Khu đô thị Ecopark (Tòa A Wesbay)		
16	Vinmart+ - Khu đô thị Ecopark (Tòa B Wesbay)		
17	Vinmart+ - Khu đô thị Ecopark (Tòa D Wesbay)		
18	Aeon - Khu đô thị Ecopark (Cụm Tòa E CC Rừng Cọ)		

19	Siêu thị Winmart (Tòa S1 Sky Oasis)		
20	Siêu thị Supermart (Tòa S1 Sky Oasis)		
21	Siêu thị Lecomart (Tòa S1 Sky Oasis)		
22	Siêu thị Winmart+ (Tòa S1 Sky Oasis)		
23	Siêu thị Samfood (Tòa S1 Sky Oasis)		
24	Siêu thị AEON maxvalu (Tòa S1 Sky Oasis)		
25	Siêu thị AEON maxvalu (Tòa S1 Sky Oasis)		
26	Siêu thị AEON maxvalu (Tòa S1 Sky Oasis)		
27	Siêu thị Winmart (Tòa S3 Sky Oasis)		
28	Siêu thị Winmart(Tòa SO2 Solforest)		
29	Siêu thị Winmart(Tòa SO2 Solforest)		
30	Siêu thị Aeon (Tòa H1 Haven Park)		
31	Siêu thị Aeon (Tòa H1 Haven Park)		
32	Siêu thị Aeon (Tòa H1 Haven Park)		

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HUNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 17: THỐNG KÊ HỆ THỐNG CÁC KHÔNG GIAN XANH
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

TT	Danh mục	Diện tích (ha)	Ghi chú
I	Cấp đô thị	41,59	
1	Công viên	37,99	
	Công viên mùa Xuân	3,35	
	Công viên mùa Hạ	2,48	
	Công viên mùa Thu	2,34	
	Công viên Hồ Thiên Nga	24,83	
	Công viên Aquabay - Thủy Nguyên	4,99	
2	Vườn hoa		
3	Sân chơi	3,6	
	Chợ quê phố Trúc	0,6	
	Khu thể dục thể thao	3,0	
4	Quảng trường		
II	Cấp đơn vị ở	13,6	
1	Vườn hoa	2,65	
	Phố Trúc	0,2	
	Biệt thự Thủy Nguyên	0,56	
	Nhà phố Thủy Nguyên	0,33	
	Nhà phố Thảo Nguyên	0,1	
	Biệt thự Vườn Tùng	0,18	
	Khu nhà phố 1C	0,1	
	Khu biệt thự Mimosa	0,8	
	Khu nhà phố TT-PT4	0,13	
	Khu căn hộ Rừng Thông (CT-04)	0,25	
2	Sân chơi	0,4	
	Khu căn hộ CT-06	0,4	
3	Khu cây xanh cây cảnh, vườn ươm	10,55	
4	Nhà vệ sinh công cộng		
	Công viên mùa Hạ		Khu WC
	Công viên mùa Xuân		Khu WC
	Công viên mùa Thu		Khu WC
	Công viên hồ thiên nga		Khu WC

UBND XÃ PHỤNG CÔNG



CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HUNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 18: THỐNG KÊ TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

TT	Tên đường	Chiều dài tuyến đường giao thông (m)	Chiều dài tuyến văn minh đô thị (bề rộng lòng đường $\geq 7m$; lộ giới $\geq 13m$) (m)
	Tổng	183.256	144.772
<i>I</i>	<i>Đường Giao thông đối ngoại</i>	16.600	16.600
1	Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (QL5B)	1.400	1.400
2	Đường ĐT.379 (liên tỉnh đi qua ĐT Ecopark)	3.000	3.000
3	Đường ĐT.378	3.200	3.200
4	Đường ĐT.379B	6.200	6.200
5	Đường ĐT.382B nhánh trái	1.400	1.400
6	Đường ĐT.382B nhánh phải	1.400	1.400
<i>II</i>	<i>Đường Giao thông đối nội</i>	166.656	128.172
1	Đường Tô Hiệu (ĐH.20 cũ)	150	150
2	Đường Phó Đức Chính (ĐH.23 cũ)	50	50
3	Các tuyến đường trục chính đô thị	1.584	760
4	Các tuyến đường liên khu vực (15-17m)	16.364	1.584
5	Các tuyến đường liên khu vực (10-12m)	6.497	16.364
6	Các tuyến đường nội bộ	17.063	6.497
8	Các tuyến đường xã	33.005	33.003
9	Các tuyến đường thôn	91.942	69.764



UBND XÃ PHỤNG CÔNG

CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

Phụng Công, ngày 07 tháng 7 năm 2026

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

BIỂU 19: KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN VÀ ĐÔ THỊ
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ PHỤNG CÔNG

STT	Danh mục	Ghi chú
1	Kế hoạch phát triển đô thị	Kế hoạch phát triển đô thị Văn Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; định hướng sáp nhập lập phường hoàn thành trong năm 2026.
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh (%)	54,20
3	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch (%)	100% các tuyến đường liên xã, trục thôn được thảm nhựa, bê tông hóa. Các trục đối nội Ecopark cải tạo khép kín
4	Quản lý phát triển đô thị thông minh	Đã có lộ trình nâng cao năng lực quản trị hành chính đô thị và chuyển đổi số (áp dụng mô hình dữ liệu dân cư quốc gia). Khu đô thị Ecopark vận hành theo mô hình đô thị sinh thái - thông minh.
5	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	99,98%
6	Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình dưới 01 vụ trong 03 năm gần nhất	
7	Số vụ cháy nổ nghiêm trọng trung bình dưới 01 vụ trong 03 năm gần nhất	
8	Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị	Tổ chức bình xét năm 2025 ghi nhận Thôn văn hóa đạt 100%; định hướng phát triển sau thành lập phường phấn đấu đạt 100% tổ dân phố văn hóa văn minh
9	Tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị	Định hướng tăng cường hoạt động của Tổ quản lý trật tự đô thị; quản lý chặt chẽ không gian kiến trúc, cảnh quan, chỉ giới xây dựng theo quy hoạch.
10	Công trình xanh	Đại đô thị sinh thái Ecopark (~500 ha) với triết lý thiết kế cuộc sống xanh, thông minh, sinh thái cùng các tổ hợp trường đại học quốc tế chất lượng cao kiên cố (BUV, Tokyo).
11	Di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hoá vật thể, các khu vực có giá trị văn hoá lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ	Có tổng số 24 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (trong đó có 04 cơ sở xếp hạng cấp Quốc gia, 01 cấp Tỉnh). Duy trì HTX hoa cây cảnh và phương án cấp nhãn hiệu tập thể làng nghề gắn với bảo vệ môi trường.
12	Dự án tái sử dụng công trình có giá trị kiến trúc, công nghiệp	Trụ sở UBND xã hiện trạng được chuyển tiếp nguyên trạng, cải tạo nâng cấp đồng bộ công năng để làm trụ sở chính thức cho Phường mới.

UBND XÃ PHỤNG CÔNG

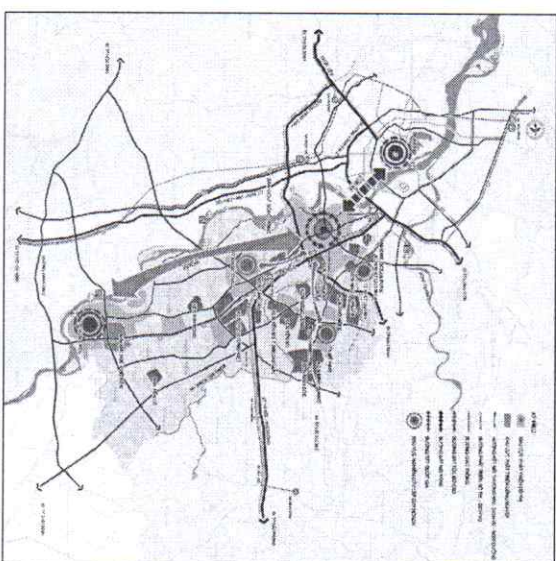
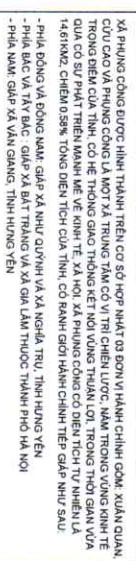


CHỦ TỊCH

Ngô Quang Anh

PHÁP CÔNG TRƯỜNG SẢN DẠO ĐÀO LUYỆN CHINH THỊM AN

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ, MỐI LIÊN HỆ VÙNG XÃ PHỤNG CÔNG ĐỐI VỚI KHU VỰC LẦN CẬN

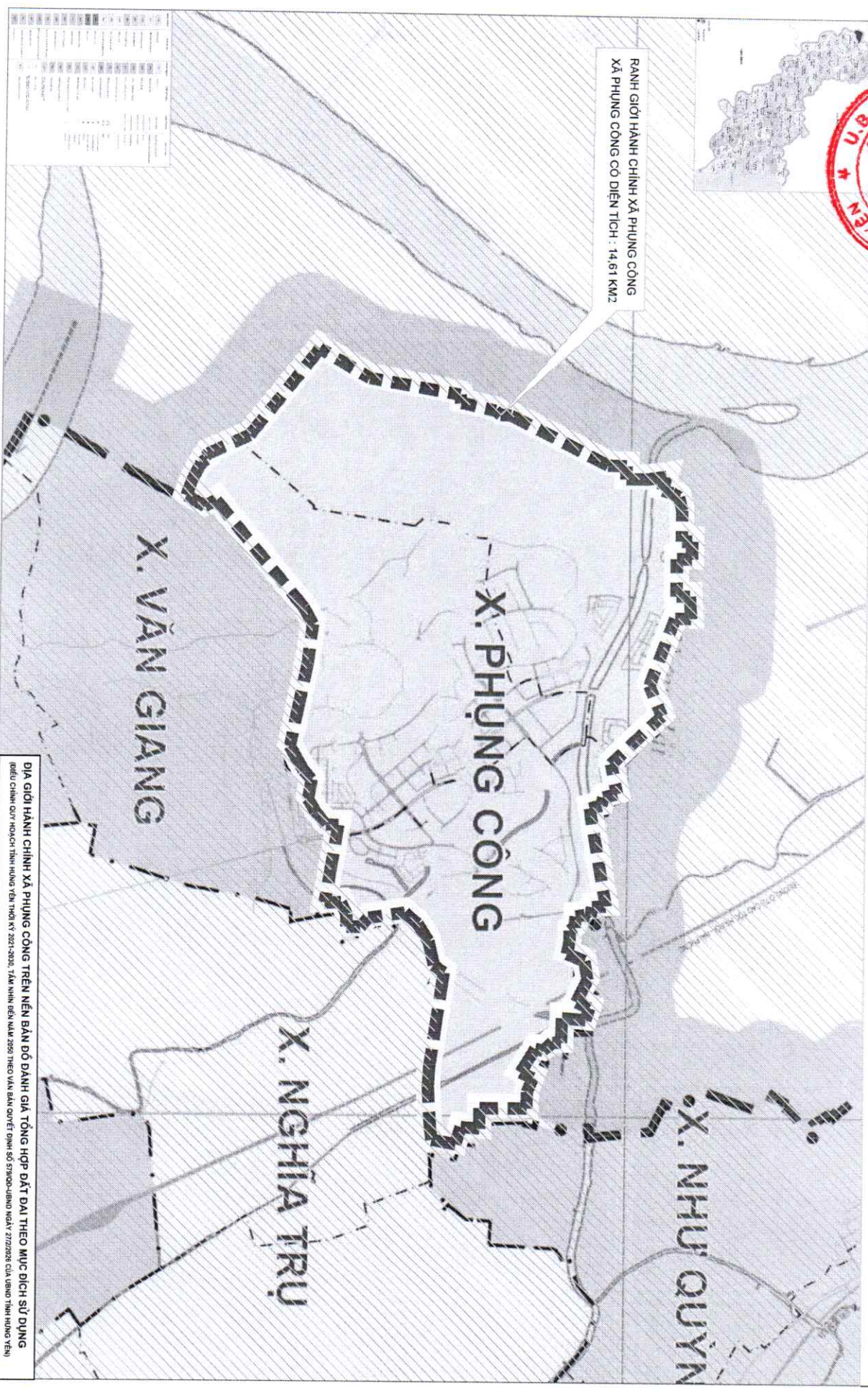




**ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ PHỤNG CÔNG, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III
SƠ ĐỒ PHẠM VI RÀNH GIỚI TOÀN ĐÔ THỊ VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRỰC THUỘC**

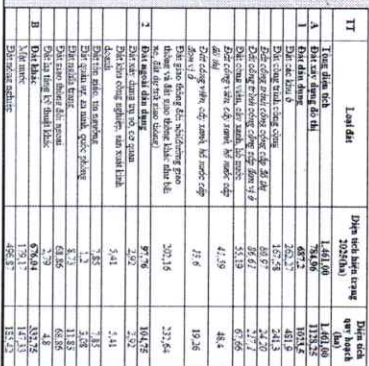


RÀNH GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ PHỤNG CÔNG
XÃ PHỤNG CÔNG CÓ DIỆN TÍCH : 14,61 KM²

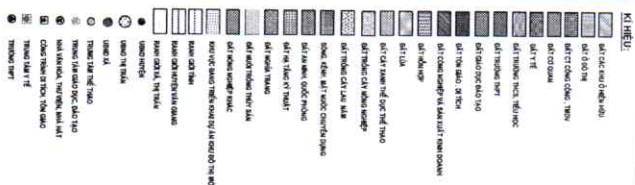
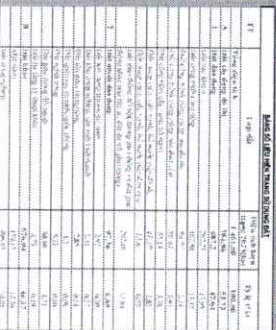


ĐIÀ GIỚI HÀNH CHÍNH XÃ PHỤNG CÔNG TRÊN NỀN BẢN ĐỒ DẠNG GỖ TỔNG HỢP DẤT ĐAI THEO MỤC DỊCH SỬ DỤNG
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH HƯNG YÊN THỜI KỲ 1:227.380, TẠM NHIN ĐẾN NĂM 2050 THEO VẤN BẢN QUYẾT ĐỊNH SỐ 57/BC-Q.UBND NGÀY 27/2/2005 CỦA UBND TỈNH HƯNG YÊN

U.S. MARSHAL SERVICE
FEDERAL BUREAU OF INVESTIGATION
U.S. DEPARTMENT OF JUSTICE
WASHINGTON, D.C. 20535
TELEPHONE (202) 544-4000
FAX (202) 544-4000
WWW.FBI.U.S. GOV

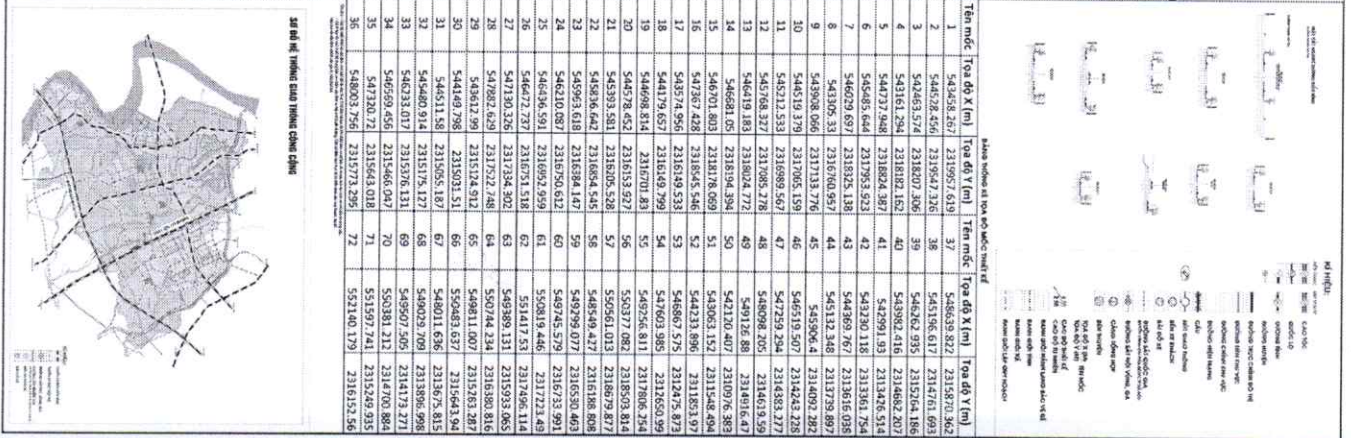


ĐIỂM 10





- [illegible]



10.11.11

10.11.12

10.11.13

10.11.14

10.11.15

10.11.16

10.11.17

10.11.18

10.11.19

10.11.20

10.11.21

10.11.22

10.11.23

10.11.24

10.11.25

10.11.26

10.11.27

10.11.28

10.11.29

10.11.30

10.11.31

10.11.32

10.11.33

10.11.34

10.11.35

10.11.36

10.11.37

10.11.38

10.11.39

10.11.40

10.11.41

10.11.42

10.11.43

10.11.44

10.11.45

10.11.46

10.11.47

10.11.48

10.11.49

10.11.50

10.11.51

10.11.52

10.11.53

10.11.54

10.11.55

10.11.56

10.11.57

10.11.58

10.11.59

10.11.60

10.11.61

10.11.62

10.11.63

10.11.64

10.11.65

10.11.66

10.11.67

10.11.68

10.11.69

10.11.70

10.11.71

10.11.72

10.11.73

10.11.74

10.11.75

10.11.76

10.11.77

10.11.78

10.11.79

10.11.80

10.11.81

10.11.82

10.11.83

10.11.84

10.11.85

10.11.86

10.11.87

10.11.88

10.11.89

10.11.90

10.11.91

10.11.92

10.11.93

10.11.94

10.11.95

10.11.96

10.11.97

10.11.98

10.11.99

10.11.100

10.11.101

10.11.102

10.11.103

10.11.104

10.11.105

10.11.106

10.11.107

10.11.108

10.11.109

10.11.110

10.11.111

10.11.112

10.11.113

10.11.114

10.11.115

10.11.116

10.11.117

10.11.118

10.11.119

10.11.120

10.11.121

10.11.122

10.11.123

10.11.124

10.11.125

10.11.126

10.11.127

10.11.128

10.11.129

10.11.130

10.11.131

10.11.132

10.11.133

10.11.134

10.11.135

10.11.136

10.11.137

10.11.138

10.11.139

10.11.140

10.11.141

10.11.142

10.11.143

10.11.144

10.11.145

10.11.146

10.11.147

10.11.148

10.11.149

10.11.150

10.11.151

10.11.152

10.11.153

10.11.154

10.11.155

10.11.156

10.11.157

10.11.158

10.11.159

10.11.160

10.11.161

10.11.162

10.11.163

10.11.164

10.11.165

10.11.166

10.11.167

10.11.168

10.11.169

10.11.170

10.11.171

10.11.172

10.11.173

10.11.174

10.11.175

10.11.176

10.11.177

10.11.178

10.11.179

10.11.180

10.11.181

10.11.182

10.11.183

10.11.184

10.11.185

10.11.186

10.11.187

10.11.188

10.11.189

10.11.190

10.11.191

10.11.192

10.11.193

10.11.194

10.11.195

10.11.196

10.11.197

10.11.198

10.11.199

10.11.200

10.11.201

10.11.202

10.11.203

10.11.204

10.11.205

10.11.206

10.11.207

10.11.208

10.11.209

10.11.210

10.11.211

10.11.212

10.11.213

10.11.214

10.11.215

10.11.216

10.11.217

10.11.218

10.11.219

10.11.220

10.11.221

10.11.222

10.11.223

10.11.224

10.11.225

10.11.226

10.11.227

10.11.228

10.11.229

10.11.230

10.11.231

10.11.232

10.11.233

10.11.234

10.11.235

10.11.236

10.11.237

10.11.238

10.11.239

10.11.240

10.11.241

10.11.242

10.11

